

Số: 11/2024/CBTT-VNTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Mã chứng khoán: **TTN**

Trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, KCN Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: Định kỳ

Điện thoại: 0274.2220399

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://vntt.com.vn/bao-cao-thuong-nien/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 15 tháng 04 năm 2024
Người thực hiện công bố thông tin
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ &
TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023**



TOTRINHTGD24040152



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Hành trình xây dựng thương hiệu VNTT
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Các đơn vị trực thuộc VNTT
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá tình hình chung
- Đánh giá hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

- Báo cáo tài chính kiểm toán
- Thuyết minh báo cáo tài chính



01



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Hành trình xây dựng thương hiệu VNTT
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Các đơn vị trực thuộc VNTT
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



TẠO NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ VẬN HÀNH
NHÀ CHUNG CƯ & QLTN
KHOA CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
22/06/2023 & 23/06/2023

CHUYÊN ĐỀ 1:
ÁP DỤNG LUẬT LIÊN QUAN BĐS NHÀ CHUNG CƯ
& CÁC VB PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

Giảng viên: Nguyễn Duy Thành
ĐT: 0913666346
Email: duythanh.qtn@gmail.com
(Lưu ý: DTDD ở chế độ rung khi tham dự khóa học. Xin cảm ơn!)
(Quyền của GV Nguyễn Duy Thành, phục vụ việc đào tạo của riêng GV.)



01

Thông tin khái quát



Tên Công ty	▪ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
Mã cổ phiếu	▪ TTN
Vốn điều lệ	▪ 367.275.000.000 đồng
Trụ sở chính	▪ 21 VSIP II, Đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Giấy chứng nhận ĐKDN	▪ Số 3700861497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08/09/2022.
Điện thoại	▪ (+84) 274.2220222
Fax	▪ (+84) 274.3635200
Website	▪ www.vntt.com.vn

W



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2009

Cung cấp các dịch vụ Trung tâm dữ liệu: Cung cấp các dịch vụ Trung tâm dữ liệu: Từ quý 3/2009, VNTT lần lượt giới thiệu đến khách hàng các dịch vụ về Trung tâm dữ liệu, bao gồm: Dịch vụ Colocation, dịch vụ cho thuê máy chủ (Dedicated Server/VPS), dịch vụ Hosting Web/Mail/DNS, dịch vụ Cloud Backup... Các dịch vụ này giúp Doanh nghiệp có được một hạ tầng CNTT đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, trong khi không tốn chi phí đầu tư và nhân sự quản trị.

2008

Chính thức cung cấp các dịch vụ viễn thông – Công nghệ thông tin: Các dịch vụ viễn thông, bao gồm: dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ thoại, dịch vụ kênh truyền dẫn, dịch vụ mạng riêng ảo VPN...
Khảo sát, tư vấn, cung cấp thiết bị và thi công, lắp đặt các công trình hạ tầng mạng viễn thông, hệ thống máy chủ, hệ thống Kiểm soát an ninh, truy nhập vào ra và các hệ thống công nghệ thông tin khác...

2018

VNTT được trao chứng nhận TOP 10 Nhà cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông hàng đầu Việt Nam và Doanh nghiệp CNTT phát triển nhanh nhất Việt Nam.

2015

Chính thức đi vào hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới: Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình về hệ thống phân phối điện trung thế, hạ thế, hệ thống máy biến áp, máy phát điện; hệ thống điện lạnh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, các hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng công cộng...

2013

Chính thức cung cấp ICT One-stop Shop: Trên hạ tầng cáp quang hoàn chỉnh và eDatacenter tiêu chuẩn Tier-3, VNTT hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản để cung cấp các dịch vụ ICT chất lượng cao đến Doanh nghiệp hoạt động trong các KCN tại Bình Dương. Dưới tên gọi ICT One-stop Shop, các dịch vụ VT-CNTT được chọn lọc và tối ưu để phù hợp nhất với nhu cầu, ngân sách và nhân lực IT của Doanh nghiệp sản xuất.

2022

Theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022, phát hành thêm 12.242.500 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 367.275.000.000 đồng.

2021

Thành lập công ty con Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải Pháp VNTT.

2019

Chính thức cung cấp dịch vụ phần mềm và chuyển đổi số. Triển khai các phần mềm theo nhu cầu của khách hàng, phát triển các sản phẩm phần mềm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo xu hướng công nghệ.



2023

Lần thứ 5 được vinh danh trong Top 10 Công Ty Công Nghệ Việt Nam Uy Tín. Becamex IDC & VNTT được xướng tên tại lễ trao giải thưởng “Thành phố thông minh Việt Nam” – Vietnam Smart City của Becamex IDC & VNTT được hội đồng giám khảo xếp hạng xuất sắc nhất 5 sao duy nhất của năm 2023.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: Viễn thông, công nghệ thông tin và tự động;

Công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy;

Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: Điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin...

Nghiên cứu và Phát triển: Các dịch vụ phần mềm như bản quyền phần mềm, văn phòng điện tử, hệ thống thông tin địa lý (GIS), dịch vụ phát triển phần mềm theo yêu cầu...;

Các giải pháp thông minh: Trung tâm điều hành thông minh, Bãi đỗ xe thông minh, camera thông minh, Đèn đường thông minh, tòa nhà thông minh...;

IOT tích hợp: tích hợp BMS, quản lý năng lượng, Scada...

CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

Trên tinh thần sát cánh cùng khách hàng phát triển Toàn diện, Bền vững và Không ngừng đổi mới:

Chúng tôi cung cấp các sản phẩm và dịch vụ của mình theo mô hình kim tự tháp, trong đó các dịch vụ cơ bản ở dưới cùng sẽ tạo nền tảng vững chắc để cung cấp cho khách hàng một cơ sở hiện đại, và các giải pháp tiên tiến sẽ giúp họ tiến lên các cấp độ cao hơn, theo xu hướng của ngành công nghệ. Cụ thể, các dịch vụ Cơ sở hạ tầng MEP tạo ra một môi trường vật lý cho tất cả các thiết bị ICT, bao gồm Nguồn điện, Hệ thống lạnh, PCCC, v.v. Trong môi trường hoạt động an toàn đó, chúng tôi xây dựng hệ thống mạng và máy chủ, cũng như các hệ thống ICT khác cho khách hàng, là nền tảng để triển khai sử dụng phần mềm và các Giải pháp thông minh.

CÁC DỊCH VỤ HẠ TẦNG M.E.P

Đội ngũ kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật của VNTT có trình độ cao và kinh nghiệm thi công, lắp đặt các hệ thống điện, điều hòa không khí, cấp thoát nước và phòng cháy chữa cháy cho các cao ốc văn phòng, chung cư, nhà xưởng, khách sạn, bệnh viện. Chất lượng thi công và tiến độ triển khai là cam kết của chúng tôi cho bất cứ công trình nào.

Hệ Thống Điện:

- Hệ thống phân phối điện trung thế đến 35kV, hạ thế 3 pha 220V – 380V
- Hệ thống máy biến áp, máy phát điện, tủ phân phối điện...
- Hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- Hệ thống chống sét

Hệ Thống Cơ Khí:

- Hệ thống điều hòa không khí và thông gió
- Hệ Thống Cống Bể: Phục vụ cho dân dụng và công nghiệp

Hệ Thống PCCC:

- Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, CO2 và N2

Khác:

- Vật liệu chống cháy lan, hệ thống quạt tạo áp cầu thang thoát hiểm hút thoát khói cứu nạn

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khách hàng trong các khu công nghiệp, khu đô thị tại tỉnh Bình Dương, Bình Phước, VSIP Quảng Ngãi, VSIP Hải Phòng, VSIP Nghệ An, và các khu công nghiệp ở tỉnh thành khác do Becamex IDC và VSIP đầu tư.

ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



TRUNG TÂM DỮ LIỆU

Chúng tôi cung cấp các dịch vụ cho thuê chỗ đặt, cho thuê máy chủ, sao lưu dữ liệu, Cloud & CDN...trên nền tảng trung tâm dữ liệu edatacenter đạt chuẩn TIA942/Tier-3, ISO/IEC 27001 và uptime cam kết 99.982%.

- Colocation: Dịch vụ Colocation cung cấp khu vực đặt máy chủ biệt lập, an toàn trong môi trường Data Center Tier-3 theo tiêu chuẩn TIA942 với cam kết uptime 99,982%.
- Cloud Server: Dịch vụ Cloud Server cung cấp các máy chủ ảo hiệu năng và linh hoạt để bạn triển khai các ứng dụng quan trọng của Doanh nghiệp mình.
- Dedicated Server: Là máy chủ chạy trên một chiếc máy tính vật lý, giống như máy bàn nhưng có những thiết bị hỗ trợ đặc biệt như: HDD (hoặc SSD), CPU, RAM, Card mạng, nguồn điện dự phòng.
- Cloud Backup: Dịch vụ sao lưu và khôi phục dữ liệu trên nền tảng Cloud, với công nghệ bảo mật chống Ransomware bằng AI, đảm bảo an toàn dữ liệu tuyệt đối với bất kỳ hệ thống, môi trường nào.



- Cloud Storage: Có thể hiểu là một không gian lưu trữ không giới hạn, vừa đảm bảo tính bảo mật cao nhưng vẫn tiết kiệm được chi phí tối đa cho người sử dụng.
- Cloud Camera: Cung cấp dịch vụ giám sát an ninh và lưu trữ dữ liệu từ camera trên nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ trên nhiều nền tảng (Web, Mobile App, Desktop).
- J-SASE Cloud: Là mô hình mạng bao gồm SD-WAN và các giải pháp bảo mật mạng được tích hợp trên 1 nền tảng đám mây duy nhất.
- Hosting: Không gian trên máy chủ, chứa toàn bộ nội dung, dữ liệu của một website như bài viết, hình ảnh, mã nguồn...



DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Chúng tôi triển khai đồng bộ hạ tầng cáp quang trên nền công nghệ GPON tại các KCN ở Bình Dương cũng như các KCN VSIP Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi, Bình Định. Ngoài đối tượng khách hàng doanh nghiệp, VNTT còn đẩy mạnh trong việc khai thác, đáp ứng nhu cầu khách hàng cá nhân trong các Khu dân cư Bình Dương.

- Internet Tốc Độ Cao Cho Doanh Nghiệp
- Kênh Truyền Dữ Liệu
- Kênh Thuê Riêng
- Internet Tốc Độ Cao Cho Hộ Gia Đình
- Thoại Cố Định Tổng Đài Áo
- Truyền Hình Kỹ Thuật Số



GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Không đứng ngoài xu hướng Chuyển đổi số, VNTT cũng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ Phần mềm giúp khách hàng tăng trưởng nhanh hơn và thành công trong quá trình chuyển đổi số.

- Bản Quyền Phần Mềm: Ngày nay phần mềm bản quyền đã trở thành một trong các sản phẩm được ưu tiên trong việc mua sắm công nghệ thông tin của nhiều công ty và nhiều cơ nhà nước.

GIẢI PHÁP THÔNG MINH

Trong thời đại công nghệ 4.0, VNTT đã có những bước phát triển mạnh mẽ mở đầu cho xu hướng chuyển dịch sang lĩnh vực phát triển các giải pháp thông minh.

- Thành Phố Thông Minh: Bình Dương thực hiện Đề án thành phố thông minh từ năm 2016 với sự hỗ trợ, truyền cảm hứng từ cộng đồng thông minh Brainport Eindhoven (Hà Lan) và Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP (Tổng Công ty Becamex).
- Tòa Nhà Thông Minh: Nền tảng quản lý điều hành tập trung Toàn bộ dữ liệu hoạt động của tòa nhà bao gồm các hệ quản lý tòa nhà BMS, hệ CCTV, hệ phòng cháy chữa cháy, hệ Access Control và hệ Smart Parking...
- Chiếu Sáng Thông Minh: Hệ thống đèn đường thông minh được phát triển dựa theo khái niệm sử dụng LoRa để kết nối không dây với các cảm biến, cổng kết nối, máy móc, thiết bị với đám mây. Nhờ khả năng truyền xa của LoRa (10-20 km).
- Giao Thông Thông Minh: Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và viễn thông, giúp việc di chuyển an toàn, hiệu quả và bền vững hơn.

- BecaGIS: Giải pháp GIS toàn diện, chuẩn mực, chuyên nghiệp.
- Văn Phòng Điện Tử Becawork: Quản lý công việc hiệu quả, mọi lúc mọi nơi trên mọi thiết bị.
- Tích Hợp Hệ Thống: Kết hợp các thành phần đơn lẻ gồm cả phần cứng, phần mềm, các dịch vụ thành một hệ thống thuần nhất.
- Phòng IT Thuê Ngoài: Dịch vụ cho thuê nhận sự IT làm việc tại địa điểm khách hàng.

- Bãi Đỗ Xe Thông Minh: Giải pháp này bao gồm cả gói phần mềm và phần cứng có thể hoạt động đồng bộ với nhau để tạo thành các tính năng hữu ích. Như hiển thị các chỗ đỗ xe còn lại, chỉ báo hướng đỗ xe, hệ thống báo động khi đỗ xe bất cẩn và hệ thống mạnh mẽ để tìm ô tô đang đỗ.
- Giám Sát Phương Tiện: Là một trong những "mảnh ghép công nghệ hoàn hảo" dựa trên nền tảng trực tích hợp giao thông thông minh (ITS) trên nền bản đồ số và giải pháp dữ liệu lớn (Big-Data).
- Nhà Máy Thông Minh: Một phần của quá trình chuyển đổi công nghiệp 4.0 hay Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Nhà Kho Thông Minh: Hay còn gọi là kho hàng thông minh, hệ thống nhà kho thông minh, kho tự động. Kho hàng thông minh có sự kết hợp của các robot lấy hàng tự động, các loại xe nâng, cầu trục, băng tải để di chuyển hàng hóa đến vị trí cần thiết.
- Nhà Máy Nước Thải Thông Minh: Giải quyết những khó khăn và khác biệt trong công tác quản lý vận hành tại mỗi nhà máy, hệ thống SCADA tập trung giúp con người có thể điều khiển nhiều trạm xử lý nước thải ở nhiều vị trí khác nhau tại một vị trí trung tâm duy nhất sử dụng Internet không dây.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

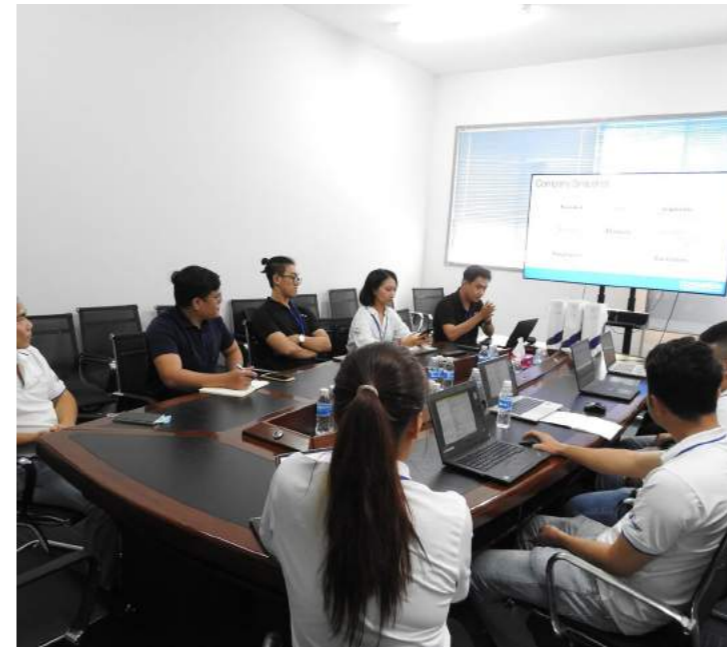
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 05 thành viên.

Ban Kiểm soát: BKS do ĐHĐCĐ bầu ra có 03 Kiểm soát viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty (%)
Công ty con					
1	Công ty TNHH Giải Pháp VNTT	Số 02, đường Tiên Phong 03, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất phần mềm, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, hoạt động tư vấn, lập trình máy vi tính ...	25	100%
Công ty liên kết: Không có					



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty VNTT: 02, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp CN-DV-ĐT Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

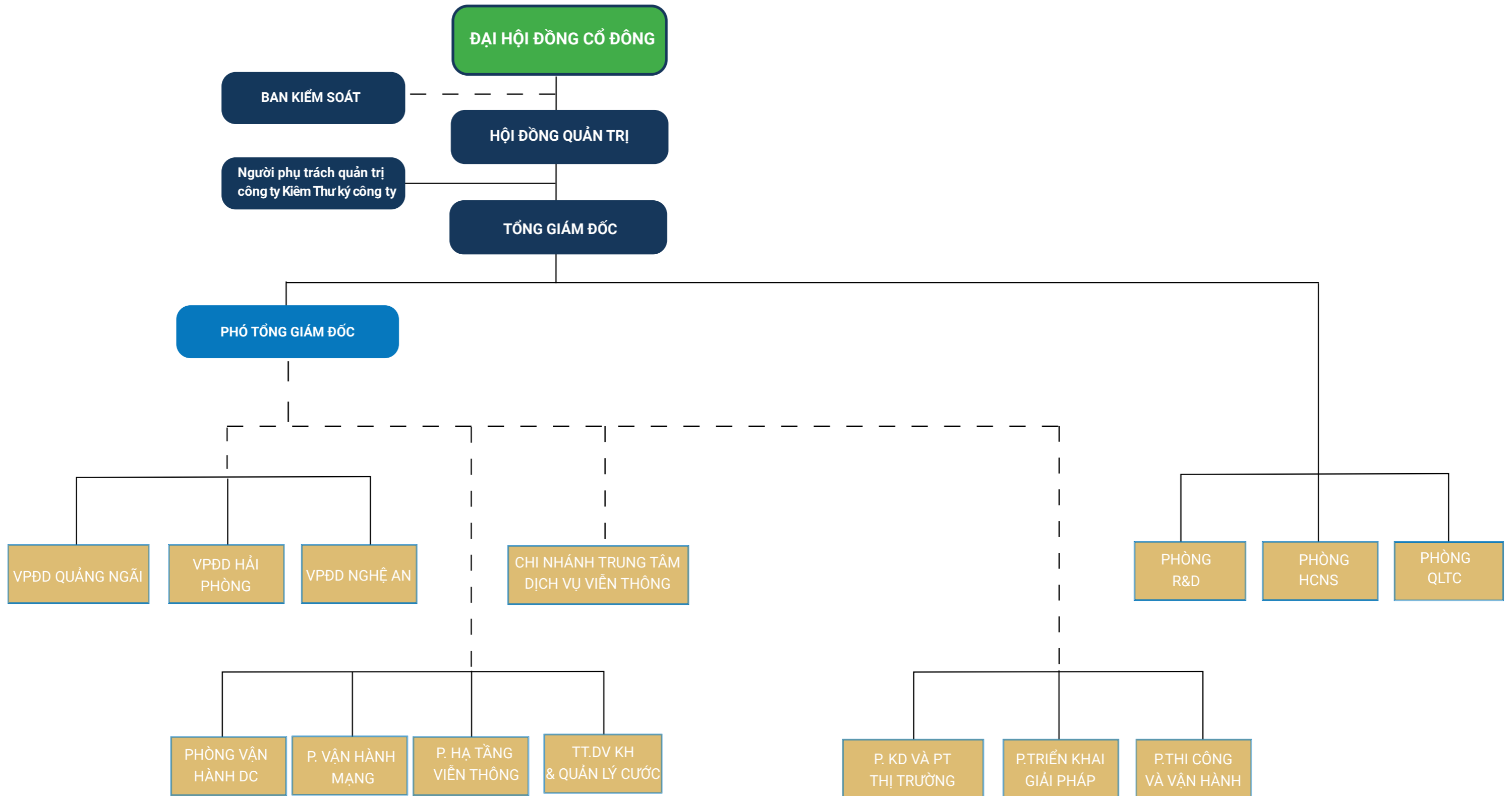
Văn phòng Đại diện tại Nghệ An: 11, Đường 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.

Văn Phòng Đại diện tại Quảng Ngãi: 1A, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.

Văn phòng Đại diện tại Hải Phòng: 03, Đường Bắc Nam Khu Đô Thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



VỀ VNTT

VNTT tự hào là đơn vị tiên phong trong cung cấp các giải pháp Viễn thông - Công nghệ thông tin (ICT) đa dạng và toàn diện, đáp ứng mọi nhu cầu của doanh nghiệp; Dịch vụ trung tâm dữ liệu với eDatacenter đáp ứng Tiêu chuẩn TIA942/ Tier 3 về vị trí địa lý và độ khả dụng 99,982%; Dịch vụ M.E.P cho doanh nghiệp tại thị trường TP.HCM, Bình Dương và tại các Khu công nghiệp do Becamex IDC & VSIP đầu tư trên cả nước. VNTT luôn tiên phong trong việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ. VNTT đã vinh dự đạt được chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013, khẳng định cam kết về chất lượng và an ninh thông tin. Bắt nhịp với xu hướng công nghệ 4.0, VNTT mạnh dạn chuyển mình sang lĩnh vực phát triển các giải pháp thông minh. Hiện nay, VNTT đang tập trung phát triển và triển khai các giải pháp quản lý thông minh cho các khu công nghiệp do Becamex đầu tư trên toàn quốc. Với tầm nhìn chiến lược và sự đổi mới không ngừng, VNTT tự tin khẳng định vị thế là đơn vị cung cấp giải pháp Viễn thông - Công nghệ thông tin hàng đầu tại Việt Nam, đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số và phát triển bền vững. Trong đó phải kể đến như: phần mềm quản lý Trung tâm điều hành thông minh IOC Bình Dương, IOC Becamex; các giải pháp thông minh như: Hệ thống chiếu sáng công cộng thông minh, Bãi đỗ xe thông minh, Quản lý tòa nhà thông minh và nhà máy nước thải thông minh... cùng rất nhiều giải pháp thông minh khác sẽ được VNTT đầu tư làm chủ công nghệ cung cấp tới khách hàng.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Lấy khách hàng làm trọng tâm, VNTT luôn nỗ lực không ngừng để mang đến những trải nghiệm tốt nhất. Chúng tôi liên tục đổi mới, làm phong phú các dịch vụ và đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng viễn thông. Mạng truy nhập của VNTT sử dụng hoàn toàn công nghệ GPON tiên tiến, đảm bảo tốc độ truy cập nhanh chóng và ổn định. Hệ thống kết nối đường trục dung lượng lớn ứng dụng công nghệ DWDM hiện đại, đáp ứng nhu cầu truyền tải dữ liệu ngày càng cao của doanh nghiệp. Với nền tảng hạ tầng đồng bộ tại nhiều khu công nghiệp ở Bình Dương và các khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi..., VNTT tự tin cung cấp đến khách hàng doanh nghiệp các dịch vụ viễn thông chất lượng cao, đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe nhất.

VNTT không ngừng mở rộng danh mục dịch vụ DC, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Hệ thống dự phòng Cloud DR, công cụ backup/restore, giải pháp sao lưu Cloud Backup cùng gói dịch vụ ICT đa dạng One Stop Shop là những minh chứng cho sự đổi mới của VNTT. Với mục tiêu hiện đại hóa công nghệ, gia tăng sức mạnh đường truyền và tìm kiếm giải pháp tiên tiến, VNTT luôn nỗ lực mang đến cho khách hàng trải nghiệm dịch vụ DC tốt nhất.

VNTT luôn thích ứng với thị trường bằng cách đổi mới cách thức kinh doanh. Chúng tôi mở rộng thị trường, đa dạng hóa khách hàng, chuyển đổi từ chiến lược đơn lẻ sang kinh doanh dịch vụ kết hợp. Nhờ đó, VNTT tối ưu hóa nguồn lực, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, mang lại giá trị gia tăng cho dịch vụ và thu hút các tập đoàn lớn.

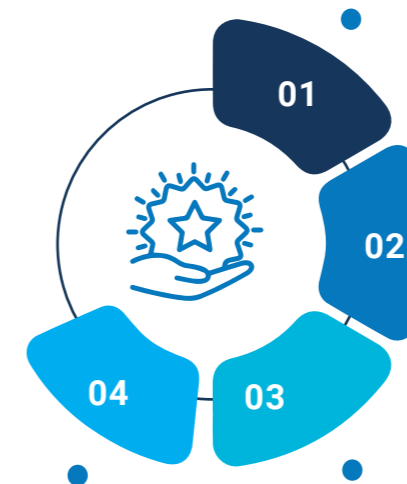
Nâng cao năng lực quản lý tài chính là nền tảng giúp VNTT đảm bảo nền tài chính vững mạnh, chủ động nguồn vốn đầu tư, từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định và phát triển bền vững.

Phát triển đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, góp phần vào công cuộc đổi mới của tỉnh, đồng thời giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TOÀN DIỆN

- Đa dịch vụ
- Đa khu vực
- Trách nhiệm cao
- Chiến lược kinh doanh quy mô, bài bản



ĐỒNG HÀNH

- Cùng khách hàng phát triển
- Hỗ trợ khách hàng tận tâm
- Vì cộng đồng
- Xây dựng hệ sinh thái kinh doanh

ĐỔI MỚI

- Cải tiến liên tục
- Sáng tạo
- Thích nghi
- Nghiên cứu & Phát Triển

BỀN VỮNG

- Đầu tư bài bản
- Dịch vụ đa dạng
- Đội ngũ chuyên nghiệp
- Đối tác bền vững

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Cải thiện quy trình làm việc trên cơ sở các ngành kinh doanh hiện có và thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho các dịch vụ hiện có. Triển khai các dịch vụ mới:

- Phát triển phần mềm và các dịch vụ liên quan tới phần mềm (ITO/ITMS/AMS).
- Triển khai dịch vụ tư vấn giải pháp doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ giám sát triển khai các giải pháp.
- Nghiên cứu và phát triển các ứng dụng và dịch vụ gia tăng cho hệ sinh thái của Becamex.

Trở thành một trong những công ty công nghệ uy tín bậc nhất tại Việt Nam cũng cấp các giải pháp và ứng dụng được đông đảo người tin dùng. VNTT đang hướng đến phát triển các dịch vụ và giải pháp của mình ra bên ngoài hệ sinh thái của Becamex, mở rộng đối tượng khách hàng tiềm năng. Nhằm đến các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp do Becamex quản lý, VNTT cam kết mang đến các dịch vụ có giá trị gia tăng, hỗ trợ khách hàng chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản trị.

VNTT mong muốn trở thành một công ty toàn cầu đưa các giải pháp và dịch vụ của mình ra nước ngoài: Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc là những mục tiêu tiếp theo.

VNTT và NTTe-Asia cùng nhau xây dựng mạng Internet theo chất lượng Nhật Bản nhằm nâng cao dịch vụ băng thông Internet, phát triển dịch vụ mạng Wifi đám mây, góp phần phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tại Thành phố mới thông minh tại Bình Dương. Cụ thể, cùng với NTTe-Asia mang dịch vụ mạng Wifi đám mây đến với các tòa chung cư, các tòa nhà văn phòng cũng như các doanh nghiệp, các trung tâm thương mại nhằm tạo môi trường băng thông có tốc độ cao và hoạt động thông suốt.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh và làm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Sử dụng nguồn nước cũng như năng lượng điện ở mức vừa phải.

Công ty luôn cố gắng nỗ lực để đảm bảo lợi ích cho cổ đông, người lao động và khách hàng, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động.

Công ty chăm lo đầy đủ các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, an toàn sức khỏe cũng như trả lương đúng kỳ, đúng hạn và chưa để xảy ra bất cứ tai nạn lao động nào.

Hàng năm, Công ty tổ chức thăm và tặng quà cho những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn vào dịp Tết Nguyên đán và cho các em nhỏ vào dịp Tết trung thu.

Công ty luôn hướng đến cộng đồng người lao động, an sinh xã hội, đóng góp, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng sâu vùng xa.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Yếu tố vĩ mô đóng vai trò then chốt trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp, với rủi ro kinh tế là một ví dụ điển hình. Loại rủi ro hệ thống này xuất phát từ các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ lãi suất, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kinh tế thế giới trong năm 2023 tiếp tục diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 5,05% so với năm 2022 và chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 giai đoạn 2011-2023. Năm 2023, toàn ngành công nghiệp tiếp tục duy trì mức tăng ổn định, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2023 tăng 3,02% so với năm 2022. Đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế cả nước trong năm 2023. Phân tích môi trường vĩ mô nhằm dự phòng các yếu tố rủi ro tác động đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo vận hành mô hình kinh doanh.

RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất có ý nghĩa vô cùng quan trọng đến sự tăng trưởng của nền kinh tế. Đa số các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để sử dụng cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh. Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần cắt giảm lãi suất để thúc đẩy sản xuất quay trở lại, phục hồi kinh tế. Với những điều chỉnh về lãi suất của NHNN, lãi suất huy động ở các Ngân hàng Thương mại (NHTM) đã giảm đáng kể nhưng lãi suất cho vay lại vẫn duy trì ở mức cao. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất, VNTT thường xuyên theo dõi và cập nhật những thay đổi về lãi suất thị trường. Từ đó, công ty đưa ra các quyết định vay vốn hợp lý, đảm bảo lợi ích cho mục tiêu kinh doanh và tiết kiệm chi phí tài chính.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Trong năm 2023, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động mạnh, thị trường chứng kiến USD tăng giá mạnh. Ở trong nước có thời điểm tiền VND mất giá gần 3% so với USD. Tuy nhiên, NHNN đã có những động thái kịp thời nhằm tạo bối cảnh thuận lợi hơn cho tăng trưởng kinh tế cũng như để nhà đầu tư nước ngoài quản lý rủi ro tỷ giá. Các nguyên vật liệu đầu vào hầu hết được Công ty nhập khẩu từ nước ngoài do thị trường trong nước chưa đáp ứng được nguồn nguyên vật liệu này. Rủi ro tỷ giá khiến cho chi phí đầu vào của Công ty bị ảnh hưởng. Để phòng ngừa rủi ro về tỷ giá, Công ty luôn có những chính sách tài chính cụ thể, giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng của tỷ giá.



RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro pháp lý xuất hiện khi doanh nghiệp không tuân thủ hoặc áp dụng sai luật trong quá trình hoạt động. Đối với công ty cổ phần hoạt động tại Việt Nam, việc tuân thủ hệ thống pháp luật, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Bộ Luật Lao động, là điều tối quan trọng. Hệ thống pháp luật nước ta thường xuyên đổi mới để phù hợp với nền kinh tế, dẫn đến ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. VNTT cần chủ động phòng ngừa rủi ro pháp luật bằng cách theo dõi, cập nhật luật pháp và tham khảo ý kiến chuyên gia khi cần thiết.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Công nghệ luôn thay đổi và phát triển không ngừng, đặt ra thách thức cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn giải pháp đầu tư phù hợp. Nhu cầu cải thiện chất lượng, nâng cao năng suất và giảm chi phí hoạt động trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao buộc doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ tiên tiến.

Chi phí nhân công cho lĩnh vực công nghệ thông tin hiện nay đang ở mức cao so với các ngành khác, dẫn đến áp lực chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số. Việc sử dụng và nâng cao chất lượng nhân lực CNTT là điều cần thiết để đảm bảo hoạt động hiệu quả, nhưng đồng thời cũng ảnh hưởng đến chi phí nhân sự. Công ty cần thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu rủi ro về chi phí nhân công, đảm bảo quá trình chuyển đổi số diễn ra hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro có thể dự đoán và kiểm soát được, doanh nghiệp còn phải đối mặt với những rủi ro khó đoán và không thể kiểm soát như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ,... Những rủi ro này có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn thực hiện chủ trương theo dõi và nắm bắt thông tin kịp thời nhằm đưa ra các biện pháp phòng vệ rủi ro và đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt. Công ty kết hợp mua bảo hiểm rủi ro cháy nổ đối với các thiết bị công nghệ.



022



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHUNG

Thuận lợi: Năm 2023, kinh tế vĩ mô giữ ổn định, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ kết hợp hiệu quả đã giúp kiểm soát lạm phát ở vùng an toàn, lãi suất điều hành giảm dần là cơ sở để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất. Chính sách tiền tệ cũng đã được thực hiện một cách chủ động, linh hoạt, nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ. Với đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động và được đào tạo bài bản, VNTT luôn sẵn sàng cho những thử thách mới. Chính sách tuyển dụng và đào tạo linh hoạt, cùng chế độ phúc lợi tốt đã giúp VNTT thu hút và giữ chân được những nhân tài. Đội ngũ cán bộ quản lý dày dặn kinh nghiệm cùng đội ngũ nhân viên chuyên môn kỹ thuật xuất sắc, luôn ham học hỏi và sáng tạo là điểm mạnh của VNTT.

VNTT cũng là doanh nghiệp đi đầu trong việc áp dụng phương pháp quản trị nhân sự tiên tiến, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và gắn kết. VNTT, với chiến lược phát triển hiệu quả, đã tiên phong áp dụng mô hình trả lương 3P, mang lại những cải thiện tích cực cho năng suất và hiệu quả hoạt động. Là một thành viên của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP (Tổng Công ty Becamex), VNTT hoạt động tại các khu vực kinh tế trọng điểm như Bình Dương, Bình Phước, Quảng Ngãi, Nghệ An, Hải Phòng, nơi thu hút nguồn vốn đầu tư dồi dào từ trong và ngoài nước. Việc áp dụng mô hình 3P đã giúp VNTT khẳng định vị thế của mình trong tập đoàn và đóng góp vào sự phát triển chung của các địa phương nơi VNTT hoạt động.

Khó khăn: Những bất ổn về địa chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Sản xuất công nghiệp tuy có chuyển biến tích cực nhưng còn chậm, chưa tạo được sự bứt tốc mạnh mẽ so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sụt giảm đơn hàng, chi phí đầu vào tăng cao, thiếu thị trường xuất khẩu đã ảnh hưởng đến nhiều ngành sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Bối cảnh cạnh tranh gay gắt trong ngành cơ - điện khiến biên lợi nhuận bị thu hẹp. Nhu cầu đổi mới công nghệ liên tục đòi hỏi doanh nghiệp phải thích ứng nhanh chóng để đáp ứng thị trường. Chi phí nhân công cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông cũng là một rào cản cho sự phát triển của ngành. Tuy nhiên, ngành cơ - điện vẫn là một ngành đầy tiềm năng với nhu cầu cao, đặc biệt trong lĩnh vực viễn thông. Do đó, các doanh nghiệp cần tập trung vào nâng cao năng lực cạnh tranh, đầu tư vào nghiên cứu phát triển, và tối ưu hóa chi phí để có thể phát triển bền vững trong tương lai.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	So kế hoạch		So năm 2022	
			KH2023	% TH/KH	TH2022	% TH 2023 / TH2022
1	Tổng doanh thu	372.439	400.000	93,11%	392.352	94,92%
a	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh	363.382	398.000	91,30%	387.948	93,67%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	5.472	1.000	5.472%	1.825	299,90%
c	Doanh thu khác	3.586	1.000	358,60%	2.579	139,06%
2	Tổng chi phí	329.167	356.500	92.23%	349.029	94,31%
a	Giá vốn hàng bán	283.834	307.300	92,36%	305.774	92,82%
b	Chi phí bán hàng	16.181	17.250	93,80%	15.116	107,04%
c	Chi phí quản lý	27.693	30.450	90,95%	26.050	106,31%
d	Chi phí tài chính	264	1.000	26,4%	2.079	12,72%
e	Chi phí khác	1.195	500	239,00%	9	12.584%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.881	43.000	95,07%	40.754	100,31%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	43.272	43.500	99,47%	43.323	99,88%
5	Thuế TNDN	8.868	9.000	98,53%	8.258	107,38%
6	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.275	500	2.55%	1.511	84,37%
7	Lợi nhuận sau thuế	33.129	34.000	97,44%	33.554	99,74%

Năm 2023, VNTT bị ảnh hưởng chung biến động của nền kinh tế khiến phần lớn các chỉ tiêu đề ra chưa đạt kế hoạch. Cụ thể tổng doanh thu đạt 372.439 triệu đồng, bằng 94,92% năm 2022 và đạt 93,11% kế hoạch đề ra; Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 40.881 triệu đồng, bằng 100,31% cùng kỳ năm trước và đạt 95,07% kế hoạch đề ra; Lợi nhuận trước thuế đạt 43.272 triệu đồng, bằng 99,88% so với cùng kỳ năm trước. Khách hàng chủ yếu của VNTT các khu công nghiệp của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP (Tổng Công ty Becamex) và hoạt động chủ yếu ở Bình Dương, đây là nơi thu hút vốn đầu tư hàng đầu ở Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Nhờ vậy, VNTT sở hữu lợi thế cạnh tranh đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bất chấp những biến động bất ổn của kinh tế toàn cầu.



STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện nắm giữ
1	Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)	0 cổ phần	17.844.600 cổ phần
2	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	0 cổ phần	0 cổ phần
3	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	55.640 cổ phần	2.000.000 cổ phần
4	Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	75.000 cổ phần	0 cổ phần
5	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT	30.000 cổ phần	0 cổ phần



Ông: PHẠM TUẤN ANH
Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Công nghệ thông tin

Quá trình công tác

- » Từ 09/2018 - 07/2019: Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển, Công ty Orient Software
- » Từ 07/2019 - nay: Giám đốc Phát triển CNTT, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Giám đốc Phát triển CNTT, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



Ông: DƯƠNG NGỌC HOÀNG VŨ
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- » 01/2003 – 10/2013: Nhân viên Tổng Công ty Becamex IDC
- » 11/2013 – 06/2015: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
- » 07/2015 – 05/2016: Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
- » 06/2016 – 04/2022: GĐĐH Phòng CNTT – Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP
- » 04/2022 – 08/2022: Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
- » 09/2022 – nay: Nhân viên Ban Quản lý và Phát triển Vốn – Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu: 17.844.600 cổ phần, tương đương 48,59% VDL



Ông: QUẢNG VĂN VIẾT CƯỜNG
Chức vụ: Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn

Quá trình công tác

- » 2009 - 2018: Giám đốc Phòng Đầu tư Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 2019 - nay: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Phó TGD - Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật
- » Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Phát triển Đô Thị

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 75.000 cổ phần tương đương 0,2%VDL
Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần





Bà: VÕ THỊ THANH HƯƠNG
Chức vụ: Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế phát triển, Cao cấp Chính trị

Quá trình công tác

- » 01/04/1998 - 14/08/2004: Chuyên viên kế toán Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Bưu điện tỉnh Bình Dương
- » 15/08/2004 - 31/12/2007: Phó phòng Đầu tư - XDCCB, Bưu điện tỉnh Bình Dương
- » 01/01/2008 - 14/05/2009: Phó phòng Đầu tư - XDCCB, VNPT Bình Dương
- » 15/05/2009 - 31/12/2013: Trưởng phòng Đầu tư - XDCCB, VNPT Bình Dương - Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
- » 01/01/2014 - 13/5/2015: Trưởng phòng Đầu tư - Phát triển hạ tầng, VNPT Bình Dương - Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
- » 14/5/2015 - 09/11/2015: Trưởng phòng Đầu tư - XDCCB, VNPT Bình Dương - Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
- » 10/11/2015 - 21/12/2017: Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Kế hoạch Kế toán Viễn thông Bình Dương - Đảng ủy viên Đảng bộ VTBD, Bí thư Chi bộ Khối Quản lý
- » 22/12/2017 - 28/2/2019: Phó Giám đốc VNPT Bình Dương
- » 01/3/2019 - 08/6/2020: Phó Giám đốc VNPT Bình Dương phụ trách VNPT Bình Dương - Trưởng Đại diện của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- » 08/6/2020 - nay: Giám đốc Viễn thông Bình Dương - Trưởng Đại diện của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Dương, ủy viên BCH Đảng bộ Khối CQ và DN tỉnh Bình Dương. Bí thư Đảng bộ VTBD nhiệm kỳ 2020-2025. ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Viễn thông Bình Dương. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Giám đốc VNPT Bình Dương

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 55.640 cổ phần, tương đương 0,15% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 2.000.000 cổ phần, tương đương 5,45% VDL



Ông NGUYỄN BÁ THƯỚC
Chức vụ: Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1950
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thông tin Viễn thông

Quá trình công tác

- » 1977 - 1980: Kỹ sư, Trưởng ban Quy hoạch mạng lưới viễn thông, Trưởng phòng kỹ thuật, Hiệu trưởng Trường kỹ thuật - Bưu điện Thành phố Hà nội - Tổng cục Bưu điện.
- » 1981 - 1984: Cố vấn mạng viễn thông Văn phòng Trung ương, Văn phòng chính phủ nước CHDCND Lào
- » 1987- 1997: Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty XNK Vật tư Bưu điện, Công ty thiết bị Viễn thông của Tổng Cục Bưu điện
- » 1998 - 2010: Trưởng Ban kế hoạch, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- » 2010 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Nhân viên Phòng Quản lý CTCP - Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công Nghiệp - CTCP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần tương đương 0,08% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
		Chủ tịch HĐQT (không điều hành)		12/04/2023
1	Ông Giang Quốc Dũng	Thành viên HĐQT (không điều hành)	20/04/2022	18/04/2023
2	Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	18/04/2023	-



STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	20.000 cổ phần
2	Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên BKS	0 cổ phần
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên BKS (bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)	0 cổ phần



Bà: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG
Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh: 1988
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính

Quá trình công tác

- » 10/2012-4/2013: Nhân viên Phòng đầu tư, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 5/2013 -7/2014: Nhân viên Dự án Bệnh viện ĐKQT Becamex, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 8/2014- 12/2014: Nhân viên Phòng Sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 1/2015 -6/2016: Tổ phó Tổ đầu thầu, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 7/2016-4/2017: Tổ trưởng Tổ quản lý công nợ Khu công nghiệp, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 5/2017- 12/2017: Kiểm soát viên Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Trưởng BKS - CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
- » Trưởng BKS - Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » Trưởng BKS - CTCP Phát triển Đô thị
- » Trưởng BKS - CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương
- » Thành viên BKS - CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 20.000 cổ phần tương đương 0,05%VĐL
Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



Ông: NGUYỄN HẢI HOÀNG
Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh: 1991

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính

Quá trình công tác

- » Từ 2014 - 2018: Chuyên viên phân tích đầu tư CTCP Chứng khoán Rồng Việt
- » Từ 2018 - 2019: Chuyên viên phân tích đầu tư Quỹ đầu tư Korea Investment (Văn phòng TP.HCM)
- » Từ 2019 - 2020: Nhân viên Tổ trợ lý Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP
- » Từ 2020 - nay: Phó giám đốc Phòng quản lý công ty cổ phần Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Phó giám đốc Phòng quản lý CTCP - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



Bà: NGUYỄN THỊ THANH TRÀ
Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Quản lý Công

Quá trình công tác

- » 2009 - 2020: Nhân viên Phòng Đầu tư thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC)
- » 2020 - 2022: Nhân viên Phòng Quản lý Công ty Cổ phần thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC)
- » 2022 - nay: Chuyên viên Ban Quản lý và Phát triển Vốn thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC)

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên BKS	20/04/2022	18/04/2023
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên BKS	18/04/2023	-

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Phạm Tuấn Anh	Tổng giám đốc	0 cổ phần
2	Lê Xuân Vinh	Phó Tổng giám đốc	32.900 cổ phần
3	Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	30.400 cổ phần
4	Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	30.400 cổ phần

Ông **PHẠM TUẤN ANH**: Đã trình bày tại phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông: **LÊ XUÂN VINH**
 Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**
 Năm sinh: **1967**
 Trình độ chuyên môn: **Tiến sĩ kỹ thuật, ngành Viễn thông**

Quá trình công tác

- » 1990 – 2008: Cán bộ nghiên cứu Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật chuyển mạch Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Viện KHKT Bưu điện
- » 2008 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 32.900 cổ phần tương đương 0,09% VDL
 Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Ông: **LAI XUÂN NGHĨA**
 Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**
 Năm sinh: **1975**
 Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Điện**

Quá trình công tác

- » 2000 – 2002: Kỹ sư Điện tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP
- » 2000 – 2015: Trưởng bộ phận Điện Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP
- » 2015 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 30.400 cổ phần tương đương 0,08% VDL
 Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Ông: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
 Chức vụ: **Kế toán trưởng**
 Năm sinh: **1975**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế - Ngành kế toán**

Quá trình công tác

- » 10/1999 – 02/2002: Nhân viên văn phòng Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Đức Dũng tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 02/2002 – 06/2007: Nhân viên văn phòng Công ty Xổ số Kiến thiết Bình Dương tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 07/2007 – 04/2009: Nhân viên văn phòng CTCP Phát triển Đô thị tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 04/2009 – 03/2015: Kế toán trưởng CTCP Phát triển Đô thị tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 03/2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt nam tại Thủ Dầu Một, Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 30.400 cổ phần tương đương 0,08% VDL
 Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2023)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	301	
1	Trên đại học	7	2,33%
2	Đại học	165	54,82%
3	Cao đẳng	48	15,95%
4	Trung cấp	46	15,28%
5	Lao động phổ thông, chứng chỉ nghề	35	11,62%
B	Theo đối tượng lao động	301	
1	Lao động trực tiếp	110	36,54%
2	Lao động gián tiếp	191	63,46%
C	Theo giới tính	301	
1	Nam	226	75,10%
2	Nữ	75	24,90%
D	Theo thời hạn HĐLĐ	301	
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	4	1,33%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	124	41,20%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	173	57,47%
E	Theo cấp quản lý	301	
1	Quản lý cấp cao	4	1,33%
2	Quản lý cấp trung	24	7,97%
3	Quản lý cấp chi nhánh	37	12,29%
4	Chuyên viên, nhân viên	236	78,41%
F	Theo độ tuổi	301	
1	Từ 18 đến 25 tuổi	42	13,95%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	146	48,50%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	90	29,90%
4	Trên 45	23	7,65%
	Tổng cộng	301	100,00%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.520.411	13.465.016	13.339.848	14.737.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Văn hóa doanh nghiệp của công ty được định hình bởi chính sách lương thưởng công bằng và linh hoạt, chú trọng đào tạo bài bản, tạo cơ hội thăng tiến cho nhân viên trẻ năng lực, đồng thời vun đắp môi trường làm việc thân thiện. Nhờ vậy, công ty thu hút và giữ chân được đội ngũ nhân viên tài năng, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển hiện tại và tương lai.

Về đào tạo

VNTT luôn đề cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao trong việc đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty. Do đó, công ty luôn dành sự quan tâm đúng mức cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân sự, nhằm gia tăng năng lực hoạt động và đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Để thực hiện mục tiêu này, VNTT đã xây dựng các chính sách đào tạo và phát triển nhân lực theo chiến lược tiên tiến nhất, áp dụng các phương pháp đào tạo hiệu quả, đồng thời tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để thu hút và giữ chân nhân tài.

VNTT áp dụng hệ thống quy định chặt chẽ, bao gồm nội dung, trách nhiệm, yêu cầu và phương pháp đào tạo cụ thể, nhằm đảm bảo hiệu quả công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Nhờ đó, VNTT có thể xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ trình độ chuyên môn và kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của công ty trong tương lai.

Với mục tiêu nâng cao năng lực và phát triển tiềm năng của nhân viên, VNTT đã triển khai nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu trong năm 2023. Lớp đào tạo ứng dụng từ điển năng lực giúp VNTT tuyển dụng nhân viên phù hợp, đồng thời phát triển đội ngũ kế thừa hiệu quả. Việc ứng dụng kết quả đánh giá năng lực vào đào tạo giúp nâng cao hiệu quả chương trình và đáp ứng nhu cầu cá nhân hóa của học viên. Lớp đào tạo hướng dẫn lập kế hoạch phát triển cá nhân được tổ chức phối hợp với đơn vị đánh giá L&A giúp nhân viên định hướng và phát triển nghề nghiệp hiệu quả.



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Môi trường công việc

VNTT luôn quan tâm đến việc tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng cho nhân viên. Công ty đầu tư vào trang bị cơ sở vật chất hiện đại, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo cảm hứng sáng tạo và năng động cho nhân viên. VNTT cũng chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp đề cao sự công bằng, minh bạch, tạo sự an tâm và gắn bó cho người lao động. Đồng thời, công ty luôn tuân thủ các quy định về an toàn sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động và vệ sinh môi trường, đảm bảo sức khỏe và an toàn cho toàn thể nhân viên.

Về lương thưởng, phúc lợi

VNTT tiên phong áp dụng mô hình trả lương 3P, đánh giá công bằng dựa trên năng lực, thị trường và hiệu quả, thể hiện sự quan tâm và đầu tư cho nhân viên. Hệ thống công thức xét tăng lương minh bạch, kết hợp đánh giá KPI để ghi nhận và hỗ trợ phát triển năng lực cá nhân. VNTT cam kết hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn nhân lực, hướng đến sự công bằng và hiệu quả. Các chính sách thi đua khen thưởng được triển khai nhằm khích lệ tinh thần cống hiến, tạo động lực cho cá nhân và tập thể đạt thành tích xuất sắc, góp phần vào sự phát triển chung của công ty.

Công ty đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ, đúng thời gian quy định cho người lao động, chi trả bổ sung tiền lương tháng 13 và lương thưởng Tết. Ngoài ra Công ty chi trả bổ sung tiền lương vào các dịp lễ Tết Dương lịch, 30/4, 1/5, lễ Quốc Khánh, chi thưởng thâm niên, lì xì,...

Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty yên tâm công tác, đáp ứng được mức sống cơ bản của cán bộ, công nhân viên, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tổng giá trị đầu tư năm 2023 (gồm đầu tư mua sắm tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản) đạt 16,3 tỷ đồng, giảm 63% so với tổng đầu tư năm 2022. Trong đó:

Đầu tư lắp đặt cải tạo hạ tầng viễn thông các khu công nghiệp/khu dân cư: 10,3 tỷ, chiếm 63% tổng giá trị đầu tư trong năm.

Đầu tư xây dựng/cải tạo văn phòng tại DC, Phòng giao dịch và Phòng máy tại các POP: 3,0 tỷ, chiếm 18%.

Đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc, phương tiện: 2,3 tỷ, chiếm 14%.

Đầu tư mua sắm khác: 0,8 tỷ, chiếm 5%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

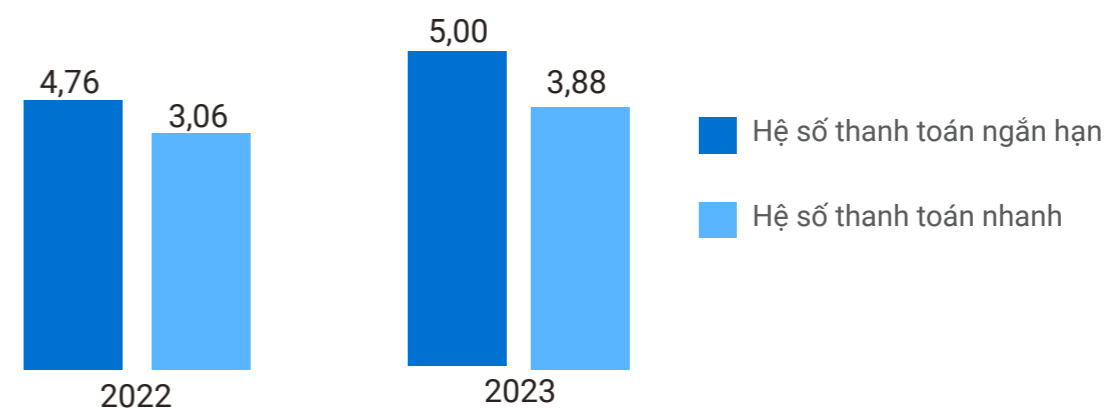
STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	528.421	528.854	100,08%
2	Doanh thu thuần	387.948	363.382	93,67%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.754	40.881	100,31%
4	Lợi nhuận khác	2.569	2.391	93,07%
5	Lợi nhuận trước thuế	43.323	43.272	99,88%
6	Lợi nhuận sau thuế	33.554	33.129	98,74%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

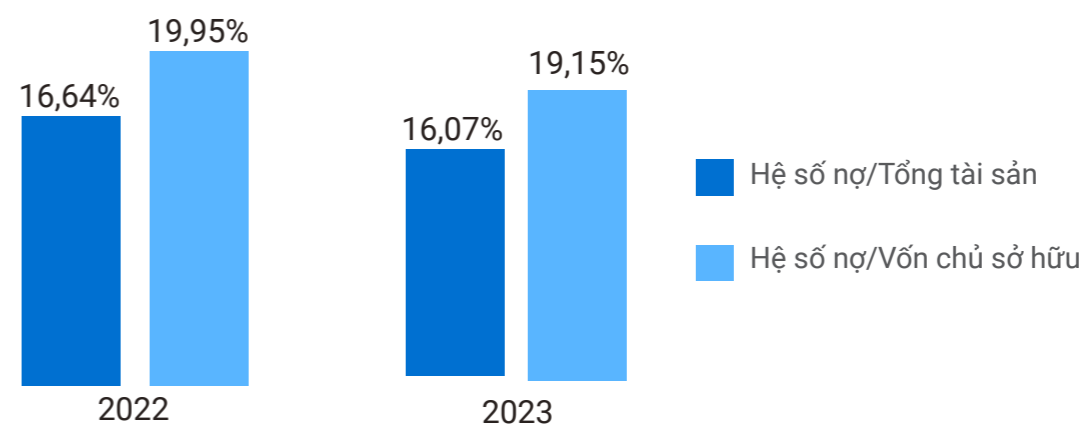
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,76	5,00
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,06	3,88
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,64%	16,07%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	19,95%	19,15%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,06	2,74
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,76	0,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,65%	9,12%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,93%	7,49%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,61%	6,27%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,51%	11,25%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2023 đã mang lại kết quả tích cực khi các chỉ tiêu này đều tăng. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 4,76 lần lên 5,00 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 3,06 lần lên 3,88 lần. Nguyên nhân là tài sản ngắn hạn tăng mạnh hơn nợ ngắn hạn của Công ty, cụ thể trong năm Công ty đã tăng các đầu tư tài chính ngắn hạn lên 80 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 86,88% và giảm 3 tỷ đồng khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho trong năm qua cũng giảm mạnh hơn 40 tỷ đồng tương ứng mức giảm 48,09%, phần lớn đến từ nguyên vật liệu và chi phí sản xuất. Nhìn chung các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều tăng mạnh cho thấy tính thanh khoản của Công ty tốt và an toàn.


CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

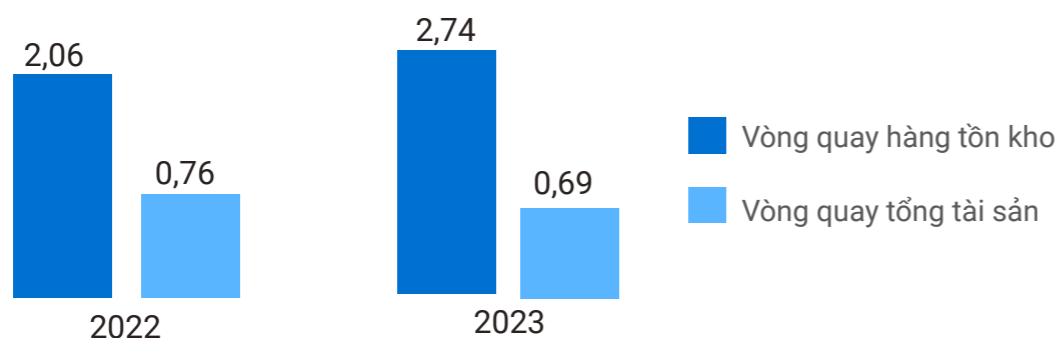
Trong năm 2023, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng tiếp tục giảm so với năm 2022. Cụ thể, Hệ số nợ/Tổng tài sản giảm từ 16,64% xuống 16,07%; Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 19,95% xuống 19,15%. VNTT đạt được kết quả khả quan trong việc kiểm soát tài chính. Nhờ quản lý hiệu quả nguồn vốn và nợ vay, Công ty giảm thiểu áp lực tài chính và kiểm soát rủi ro trước những biến động của nền kinh tế. Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn cho thấy khả năng tự chủ tài chính cao của VNTT, thể hiện sự vững vàng và an toàn trong hoạt động kinh doanh.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

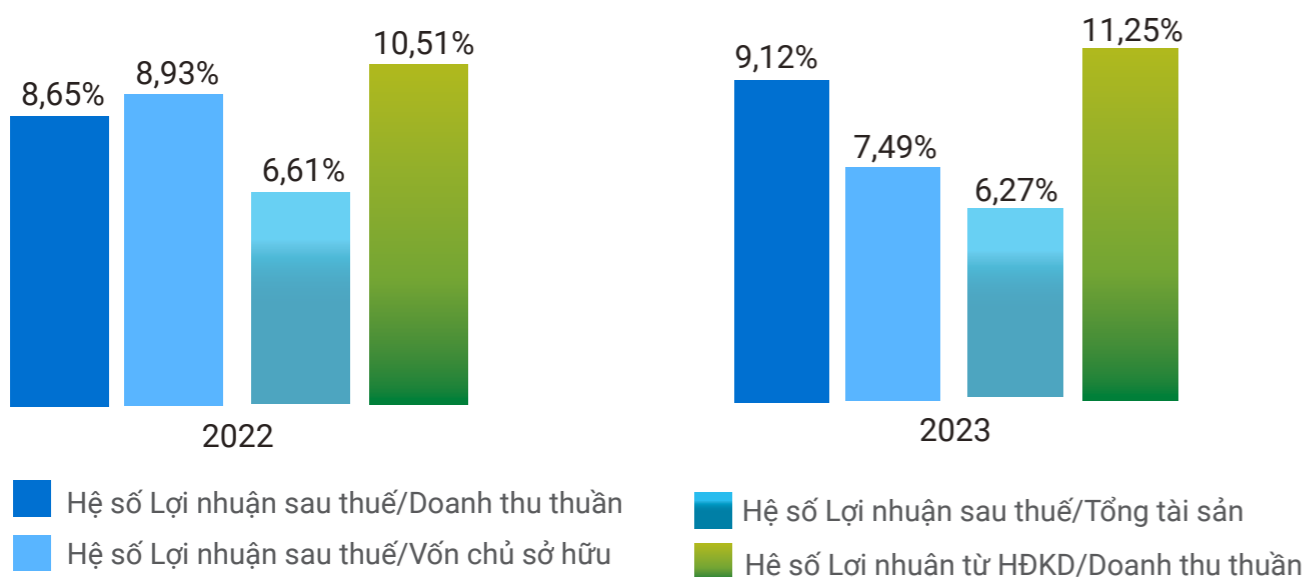
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năng lực hoạt động trong năm 2023 của VNTT đều có dấu hiệu tích cực khi chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng lên. Cụ thể chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,06 vòng lên 2,74 vòng. Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 0,76 vòng xuống 0,69 vòng, Hiệu quả hoạt động của VNTT trong năm qua cho thấy công ty đang sử dụng tài sản một cách hiệu quả để tạo ra lợi nhuận và mang lại lợi ích cho cổ đông. Điều này thể hiện qua các chỉ tiêu tích cực về năng lực hoạt động, khẳng định năng lực quản trị và chiến lược phát triển hợp lý của VNTT.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty duy trì so với cùng kỳ. Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần tăng nhẹ từ 8,65% lên 9,12% cho thấy tình hình hoạt động, quản lý chi phí của VNTT vẫn duy trì mức ổn định. Hệ số ROA và ROE lần lượt giảm nhẹ xuống 6,27% và 7,49% cho thấy Công ty đang sử dụng tài sản và vốn chủ Sở hữu để sinh lời và tạo ra lợi nhuận hiệu quả mặc dù tình hình kinh tế biến động. Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần tăng từ 10,51% lên 11,25%. Công ty đang có dấu hiệu kinh doanh rất khả quan với các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều ở mức cao. Khả năng quản lý tài chính hiệu quả giúp Công ty tối ưu hóa nguồn vốn và tạo ra lợi nhuận. Hoạt động sản xuất kinh doanh của VNTT diễn ra ổn định và có dấu hiệu tăng trưởng trong tương lai khi nền kinh tế phát triển.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 36.727.500 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu thường: 36.727.500 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TẠI NGÀY 26/06/2023)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cơ cấu cổ đông lớn và cổ đông nhỏ			
a	Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% tỷ lệ sở hữu	2	19.844.600	54,03%
b	Cổ đông nhỏ	2511	16.882.900	45,97%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
a	Cổ đông là tổ chức	6	22.362.500	60,89%
b	Cổ đông cá nhân	2507	14.365.000	39,11%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
a	Cổ đông trong nước	2475	36.547.350	99,51%
b	Cổ đông nước ngoài	38	180.150	0,49%
4	Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác			
a	Cổ đông Nhà nước	2	19.844.600	54,03%
b	Các cổ đông khác	2511	16.882.900	45,97%
	Tổng cộng	2513	36.727.500	100,00%

CỔ ĐÔNG LỚN

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Số 8, Hùng Vương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	17.844.600	48,59%
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam	2.000.000	5,45%
	Tổng cộng	19.844.600	54,04%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có

Các chứng khoán khác:

Không có



03



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá tình hình chung
- Đánh giá hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

Bối cảnh chung Năm 2023: Kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi trên cơ sở diễn biến dịch bệnh Covid toàn cầu đã được kiểm soát. Trong năm 2023, Chính Phủ Việt Nam tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch như giảm thuế giá trị gia tăng (VAT), chính sách lãi suất thấp và các chính sách hỗ trợ khác... đã giúp các hoạt động kinh tế xã hội bắt đầu phục hồi. Kinh tế Mỹ và Châu Âu đối mặt với rủi ro lạm phát tăng cao dẫn đến việc ngân hàng trung ương lớn tại đây thắt chặt chính sách tiền tệ bằng cách tăng lãi suất dẫn đến nhiều biến động lớn trên thị trường tài chính. Là một nước sản xuất với kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất nhập khẩu, Việt Nam chịu nhiều biến động bất lợi từ đồng Đô USD tăng giá và chính sách tăng lãi suất toàn cầu làm giảm nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng Việt Nam có lợi thế sản xuất như nội thất, dệt may, điện thoại, điện tử đã tác động lên tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam vào năm 2023 dẫn đến việc GDP năm 2023 chỉ tăng 5.05% (không đạt mục tiêu tăng trưởng 6.5% do Quốc Hội giao).

Trong bối cảnh khó khăn như vậy, Ban Lãnh Đạo Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ("VNNTT") đã quyết liệt áp dụng nhiều giải pháp khác nhau, cộng thêm sự hỗ trợ kịp thời từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex IDC) đã tạo tiền đề để VNNTT đạt được những thành tựu đáng khích lệ như sau:

Thuận lợi:

- Thực hiện thành công chiến lược số hóa thông qua các nền tảng BecaWork, CRM, Ticket và Hóa đơn điện tử đã giúp gia tăng tốc độ và hiệu suất xử lý công việc, giảm đáng kể chi phí in ấn giấy tờ.
- Đầu năm 2023 đưa vào hoạt động PGD Bình Định kịp thời cung cấp dịch vụ viễn thông cho khách hàng có nhu cầu tại đây, nâng mạng lưới tỉnh/thành VNNTT cung cấp dịch vụ lên 6 tỉnh; hoàn thiện hạ tầng viễn thông sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại KCN VSIP3; đầu tư hạ tầng viễn thông một số dự án Trung tâm thương mại, dự án khu dân cư, chung cư ở Bình Dương, Hải Phòng; hoàn thiện hạ tầng tại Mỹ Phước 3, Bàu Bàng mở rộng tại Bình Dương.
- Đạt giải thưởng Top 10 Công ty Công nghệ Việt Nam uy tín năm 2023 (lần thứ 5 liên tiếp) do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam công bố.
- Nền tảng Beca Smart City của VNNTT đạt chứng nhận 5 sao giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam 2023 lĩnh vực Giải pháp Quản lý, điều hành đô thị thông minh do Hiệp hội phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) chứng nhận.
- Trải nghiệm khách hàng ngày càng được nâng cao: Chỉ số kết nối tổng đài chăm sóc khách hàng đạt 95.9% (vượt ngưỡng 80% theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông).
- Đa dạng các hình thức thanh toán trực tuyến (định danh BIDV gạch nợ trực tiếp trên hệ thống VNNTT, QR BIDV, VNPT Pay, ví điện tử Payoo) qua hệ thống máy POS tại các Phòng giao dịch, qua các điểm thu hộ liên kết Payoo nhằm hướng khách hàng thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt sang thanh toán online, giảm thiểu thất thoát thu nợ bằng tiền mặt và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- So toàn ngành về lĩnh vực viễn thông, VNNTT có tốc độ tăng trưởng doanh thu DVVT cao hơn so với toàn ngành, tăng 10% so với năm 2022 (cao hơn mức tăng 0.41% của toàn ngành).



Khó khăn:

- Thị trường viễn thông và công nghệ thông tin tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt.
- Nhu cầu phục hồi nền kinh tế sau đại dịch của các quốc gia khiến cho tình trạng lạm phát gia tăng dẫn đến nhiều khó khăn trong hoạt động thương mại.
- Việc mở rộng thị trường tìm kiếm khách hàng mới nhiều khó khăn do đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin nhiều và mạnh.
- Sự khan hiếm nguồn nhân lực công nghệ thông tin "chất lượng cao" tiếp tục tiếp diễn do nguồn nhân lực chưa phát triển đủ để đáp ứng với xu thế phát triển của công nghệ mới.
- Tình hình tài chính, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất và chính sách vay vốn của ngân hàng có nhiều biến động.



KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG VNTT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	%TH2023/TH2022	Kế hoạch 2023	%TH/KH 2023
1	Tổng doanh thu	370.341	-4,47%	389.000	95,20%
2	Tổng chi phí	326.142	-5,85%	345.000	94,53%
-	Giá vốn	276.724	-7,45%	295.000	93,80%
-	Chi phí quản lý, bán hàng, chi phí khác	42.697	+11,65%	44.500	95,95%
-	Chi phí tài chính	6.721	-26,65%	5.500	122,20%
4	Lợi nhuận trước thuế	44.199	+7,10%	44.000	100,45%
5	Lợi nhuận sau thuế	35.331	+7,00%	35.000	100,94%

Kết quả kinh doanh riêng VNTT: Tổng doanh thu riêng VNTT đạt 370.341 triệu đồng (bao gồm thu nhập khác), giảm 4,47% so năm 2022 và đạt 95,20% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 44.199 triệu đồng, tăng 7,10% so năm 2022 và đạt 100,45% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 35.331 triệu đồng, tăng 7,00% so năm 2022 và đạt 100,94% kế hoạch.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	%TH2023/TH2022	Kế hoạch 2023	%TH/KH 2023
1	Tổng doanh thu	372.439	-5,08%	400.000	93,11%
2	Tổng chi phí	329.167	-5,69%	356.500	92,33%
3	Lợi nhuận trước thuế	43.272	-0,12%	43.500	99,47%
4	Lợi nhuận sau thuế	33.129	-1,26%	34.000	97,44%
5	Chia cổ tức	7%	100,00%	7%	100,00%

Tổng doanh thu hợp nhất cả năm 2023 đạt 372.439 triệu đồng (bao gồm thu nhập khác), giảm nhẹ 5,08% so năm 2022 và đạt 93,11% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 43.272 triệu đồng, giảm nhẹ 0,12% so năm 2022 và đạt 99,47% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 33.129 triệu đồng, giảm 1,26% so năm 2022 và đạt 97,44% kế hoạch.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DOANH THU THEO NHÓM NGÀNH

Doanh thu dịch vụ viễn thông: 181 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022 và đạt 105% kế hoạch.

Doanh thu thi công vận hành điện, điện tử, hạ tầng viễn thông, bán lẻ thiết bị: 122 tỷ đồng, giảm 27% so với năm 2022 và đạt 79% kế hoạch.

Doanh thu dịch vụ Datacenter: 42 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022 và đạt 105% kế hoạch.

Doanh thu bất động sản: 17 tỷ đồng, tương đương năm 2022 và đạt 85% kế hoạch.

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2023

Dịch vụ Viễn thông: 49%.

Thi công vận hành điện, điện tử, hạ tầng viễn thông, bán lẻ thiết bị: 33%.

Dịch vụ Datacenter: 11%.

Bất động sản: 5%.

Doanh thu và thu nhập khác: 2%.

CƠ CẤU CHI PHÍ NĂM 2023

Chi phí giá vốn: 85%.

Chi phí bán hàng, quản lý: 13%.

Chi phí tài chính: 2%.

KIỂM SOÁT CHI PHÍ NĂM 2023



Tổng chi phí toàn Công ty giảm 6% so năm 2022. Trong đó, chi phí giá vốn giảm 7%, chi phí bán hàng và quản lý tăng 9% (chủ yếu do tăng chi phí tiền lương khi thành lập phòng R&D và chuyển nhân sự từ VNTTTS về VNTT), chi phí tài chính giảm 27%. Chi phí tài chính giảm chủ yếu do chi phí lãi vay giảm 88% so với năm 2022, riêng chi phí trích lỗ VNTTTS giảm 9% so năm 2022.

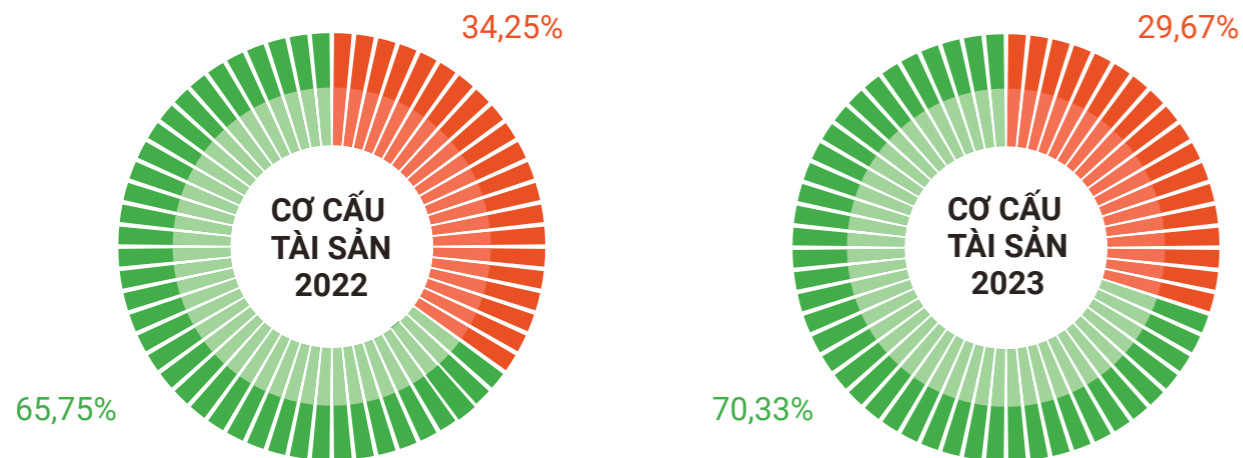


TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/ TH2022	Tỷ trọng 2022	Tỷ trọng 2023
Tài sản ngắn hạn	347.426	371.960	107,06%	65,75%	70,33%
Tài sản dài hạn	180.996	156.895	86,68%	34,25%	29,67%
Tổng tài sản	528.421	528.854	100,08%	100,00%	100,00%

 Tài sản ngắn hạn
 Tài sản dài hạn





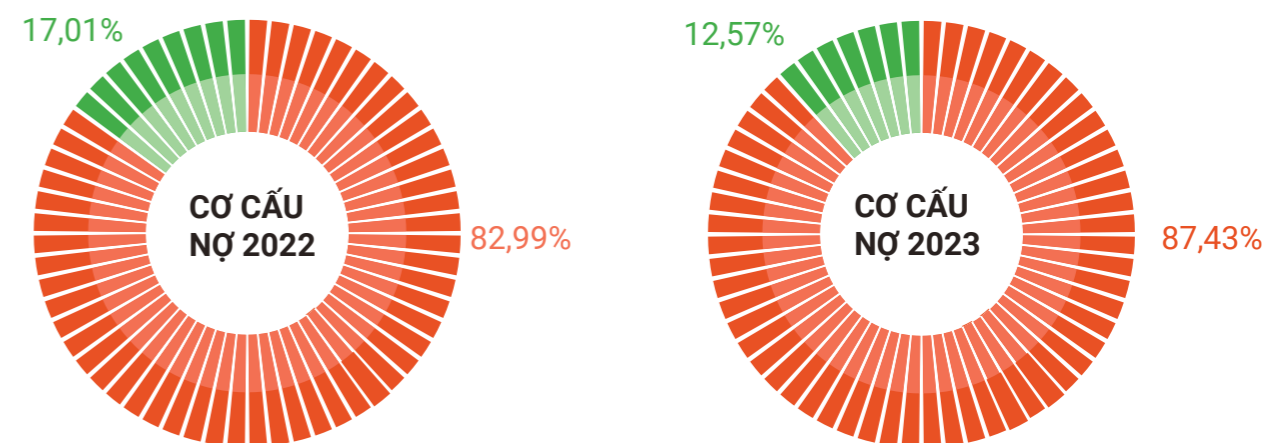
Tổng tài sản trong năm 2023 tăng nhẹ 0,08% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức 528.854 triệu đồng. Mức tăng chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn khi khoản mục Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng lên mức 80 tỷ đồng tương đương tăng 6,6 lần. Bên cạnh đó cơ cấu tài sản cũng có sự thay đổi khi mà Công ty đã tiếp tục tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn và giảm tỷ trọng tài sản dài hạn, góp phần làm tăng khả năng thanh toán của Công ty trong ngắn hạn.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH2023/ TH2022	Tỷ trọng 2022	Tỷ trọng 2023
Nợ ngắn hạn	72.957	74.322	101,87%	82,99%	87,43%
Nợ dài hạn	14.948	10.681	71,45%	17,01%	12,57%
Tổng nợ phải trả	87.905	85.002	96,70%	100,00%	100,00%

 Nợ dài hạn
 Nợ ngắn hạn



Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2023 đã giảm còn 96,70% so với cùng kỳ, đạt mức 85.002 triệu đồng phần lớn đến từ mức giảm của nợ ngắn hạn, VNTT đang tạo dựng niềm tin vững chắc với các nhà đầu tư thông qua những bước tiến vững chắc về mặt tài chính. Khả năng quản lý dòng tiền hiệu quả, cùng với các chính sách kinh doanh hiệu quả, đã góp phần gia tăng sức mạnh cho doanh nghiệp. Nợ ngắn hạn giảm mạnh là minh chứng cho chiến lược tài chính hợp lý của VNTT, hướng đến sự tự chủ và tối ưu hóa nguồn vốn chủ sở hữu.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VNTT đã có một năm đầy biến chuyển tích cực trong việc củng cố nền tảng tổ chức và nguồn nhân lực. Việc tái cấu trúc bộ máy gián tiếp, tập trung đào tạo cán bộ, và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý đã góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Công ty. Những nỗ lực này cho thấy tầm nhìn chiến lược của VNTT trong việc hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai.

VNTT luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo bài bản và thiết thực. Trong năm qua, công ty đã tổ chức thành công nhiều lớp học về ứng dụng công nghệ trong tuyển dụng, phát triển tiềm năng và đào tạo đội ngũ kế thừa. Tiếp nối đà phát triển đó, VNTT sẽ phối hợp với Đơn vị đánh giá L&A triển khai lớp đào tạo hướng dẫn lập kế hoạch phát triển cá nhân vào năm 2023. Chương trình này hứa hẹn sẽ mang đến cho nhân viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển bản thân và đóng góp cho sự thành công của Công ty.

VNTT đang từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn nhân lực và khẳng định cam kết phát triển bền vững. Hệ thống trả lương theo mô hình 3P đã được áp dụng hiệu quả, thể hiện qua mức lương công bằng dựa trên năng lực và thị trường, hệ thống xét tăng lương khoa học và khách quan, cùng hệ thống đánh giá năng lực hiệu quả. Trong tương lai, VNTT sẽ tiếp tục cải tiến hệ thống này để tối ưu hóa hiệu quả quản trị nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, VNTT luôn tiên phong trong việc bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng. Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với môi trường và cộng đồng.

Cùng với đó, VNTT không ngừng đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng. Những nỗ lực này nhằm gia tăng sự hài lòng của khách hàng và củng cố vị thế của VNTT trên thị trường.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tiếp tục bám sát định hướng phát triển, giữ vững thị phần, trở thành công ty trụ cột của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP (Tổng Công ty Becamex).
- VNTT đang hướng đến mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực chuyển đổi số quốc gia. VNTT đang thực hiện chiến lược “kép” để đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai. Chiến lược này bao gồm việc duy trì các sản phẩm dịch vụ cốt lõi và đầu tư vào các lĩnh vực mới nổi.
- Giữ vững thị trường nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ giao.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đảm bảo quyền lợi cổ đông.
- Đảm bảo việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho người lao động.
- Công ty đang trên đà phát triển mạnh mẽ với những chiến lược sáng tạo và hiệu quả. Chiến lược phát triển các dự án thương mại gắn liền với dịch vụ đi kèm sẽ giúp công ty khai thác tối đa tiềm năng của mình và gia tăng lợi nhuận.
- Ngoài ra, việc chủ động tìm kiếm thị trường mới và liên kết với các nhà mạng viễn thông địa phương sẽ giúp công ty mở rộng thị trường và tiếp cận nhiều khách hàng tiềm năng hơn. Những nỗ lực này góp phần khẳng định vị thế của công ty trong lĩnh vực thương mại và công nghệ thông tin.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Riêng VNTT		Hợp nhất	
		Kế hoạch năm 2024	KH2024/TH2023	Kế hoạch năm 2024	KH2024/TH2023
I	KẾT QUẢ KINH DOANH				
1	Tổng doanh thu	359.000	97,89%	364.500	98,82%
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	355.000	98,10%	360.500	99,20%
-	Doanh thu hoạt động tài chính	4.000	79,20%	4.000	73,10%
2	Tổng chi phí	311.550	95,88%	315.250	96,12%
-	Giá vốn hàng bán	263.500	95,22%	265.200	93,43%
-	Chi phí bán hàng	16.000	97,30%	16.500	102,00%
-	Chi phí quản lý	32.000	127,70%	33.500	121,00%
-	Chi phí tài chính	50	0,74%	50	18,93%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	0	0,00%	0	0,00%
	Trích lỗ VNTTS	0			
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47.450	113,50%	49.250	120,47%
4	Lợi nhuận khác	550	22,99%	550	23,00%
-	Thu nhập khác (Doanh thu khác)	1.000	27,90%	1.000	27,90%
-	Chi phí khác	450	37,70%	450	37,70%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	48.000	108,60%	49.800	115,09%
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.000	112,80%	10.000	112,80%
7	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	800	62,70%
8	Lợi nhuận sau thuế	38.000	107,55%	39.000	117,72%



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CĂN CỨ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

Về xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2024, Ban lãnh đạo VNTT dự báo tình hình kinh doanh năm 2024 sẽ vẫn đối mặt với nhiều khó khăn tác động lên khả năng bán hàng, huy động vốn trên thị trường tài chính và tiến độ triển khai các dự án mới của doanh nghiệp. Với nền tảng cốt lõi là công nghệ đa ngành (Viễn thông - Công nghệ thông tin - MEP), VNTT xác định năm 2024 sẽ là năm bản lề trong định hướng phát triển hệ sinh thái kiểu mới theo hướng đẩy mạnh phát triển lĩnh vực hạ tầng thông minh và chuyển đổi số nhằm tạo ra động lực tăng trưởng cho 3 năm tiếp theo (2025-2028), cụ thể như sau:

- Tiếp tục đàm phán với các nhà cung cấp viễn thông quốc tế để giảm giá mua băng thông đầu vào.
- Nghiên cứu triển khai 5G và các giải pháp cho thành phố/khu công nghiệp thông minh tại Bình Dương.
- Tăng cường tiếp thị, tìm kiếm khách hàng có nhu cầu về các giải pháp thông minh của VNTT như: giải pháp khu công nghiệp thông minh, giải pháp tòa nhà thông minh, giải pháp bãi đỗ xe thông minh, giải pháp nhà máy thông minh.
- Tích hợp thêm các dịch vụ Add on trên nền FTTH để chặn đà giảm doanh thu trung bình của thuê bao cá nhân.
- Mở rộng dịch vụ Viễn thông ra những vùng ven của các khu vực đang cung cấp dịch vụ.
- Gia tăng doanh thu tối đa từ nhóm khách hàng hiện hữu thuộc hệ sinh thái Becamex bằng cách phối hợp bán chéo dịch vụ giữa các đơn vị thành viên. Song song đó, tiếp tục tăng cường tổ chức các sự kiện, tiếp thị trực tiếp kết hợp Digital marketing để tìm kiếm thêm khách hàng mới.
- Hợp tác kinh doanh với các Tập đoàn nước ngoài có thực lực trong việc cung cấp các giải pháp tiên tiến cho các công trình/dự án MEP.
- Trong vòng 5 năm tới sẽ ký được hợp đồng Quản lý, vận hành, bảo trì cho tất cả các công trình/dự án MEP thuộc hệ sinh thái BCM/VSIP nhằm thay thế cho mảng thi công đang dần bị thu hẹp.
- Gia tăng lợi nhuận thông qua việc cung cấp các giải pháp tích hợp Viễn thông – DC - Giải pháp thông minh - MEP có hàm lượng chất xám cao, mang lại nhiều giá trị và doanh thu.
- Mở rộng phân khúc khách hàng ra ngoài hệ sinh thái Becamex bằng cách tiếp cận các doanh nghiệp FDI và các tập đoàn lớn đã có sẵn mối quan hệ.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



04



ĐÁNH GIÁ HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HDQT đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt Công ty vượt qua giai đoạn đầy thử thách của năm 2023. Với tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm cao, HDQT đã đưa ra những chủ trương, nghị quyết kịp thời, phù hợp với tình hình biến động của thị trường. HDQT cũng thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với ban điều hành để đảm bảo công tác quản lý và điều hành hiệu quả. HDQT cũng thể hiện tầm nhìn chiến lược khi tập trung hoàn thiện các quy chế, dự thảo điều lệ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và định hướng chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn cho công ty. Nhờ những nỗ lực của HDQT, công ty đã có thể duy trì hoạt động ổn định và đạt được những kết quả đáng khích lệ trong năm 2023.

Năm 2023 là một năm đầy thử thách đối với VNNT khi hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên, công ty đã duy trì hoạt động ổn định và đảm bảo việc làm cho người lao động.

Bên cạnh việc tập trung vào hoạt động kinh doanh, VNNT luôn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Công ty đã thực hiện tốt việc tuân thủ quy định pháp luật về việc tiêu thụ nước và năng lượng, đồng thời khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng năng lượng hiệu quả.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát của HDQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành của Công ty được thực hiện đúng theo Quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HDQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Tổng Giám đốc tổ chức, thông qua các báo cáo của Tổng Giám đốc.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy năm 2023, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HDQT. Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

Với những kết quả đã đạt được, HDQT đánh giá cao công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong năm 2023 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 đề ra.

Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Hội đồng quản trị Công ty VNNT thống nhất các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2024		% KH 2024/TH2023	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	370.341	372.439	360.000	365.500	97,21%	98,14%
2	Tổng chi phí	326.142	329.167	312.000	315.700	95,66%	95,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.199	43.272	48.000	49.800	108,60%	115,09%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.331	33.129	38.000	39.000	107,55%	117,72%

KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất định hướng một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2024 như sau:

- Về mảng kinh doanh Viễn thông:

- VNNT cam kết đồng hành cùng các chủ đầu tư khu công nghiệp và khu đô thị trong việc phát triển hạ tầng viễn thông, đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông chất lượng cao cho khách hàng;
- VNNT xác định VNPT là đối tác chiến lược quan trọng trong việc triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến cho các doanh nghiệp và người dân tại Bình Dương;
- Đánh giá và nâng cao chất lượng dịch vụ Viễn thông đáp ứng yêu cầu của khách hàng để củng cố uy tín, nâng cao giá trị thương hiệu của VNNT.

- Về mảng kinh doanh MEP và ICT:

- Dịch chuyển từ định hướng kinh doanh thi công các dự án đơn lẻ sang cung cấp dịch vụ lâu dài cho các khách hàng hiện hữu, đẩy mạnh phát triển thị trường ra khỏi hệ thống các khu công nghiệp của Becamex và VSIP.

- Mở rộng lĩnh vực sản phẩm và giải pháp về Thành phố Thông minh và Sản xuất Thông minh:

- Đầu tư nghiên cứu phát triển, hợp tác để cung cấp các giải pháp cho Thành phố Thông minh và Sản xuất Thông minh, gia tăng cơ cấu doanh thu từ nhóm ngành này.
- Hình thành lực lượng phát triển thị trường, tiếp thị và kinh doanh chuyên biệt, phục vụ nhu cầu mở rộng và chiếm lĩnh thị trường mới.
- VNNT đang trong quá trình chuyển đổi sang mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với một công ty đại chúng. Việc này bao gồm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động và chuẩn hóa năng lực chuyên môn của từng vị trí công việc.





05



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

VNTT hiểu rằng, bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của các cá nhân hay tổ chức, mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Là một phần tử trong cộng đồng, VNTT luôn ý thức và thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường.

- Đề xuất các giải pháp nhằm ngăn ngừa, xử lý nước thải và khắc phục sự cố môi trường, tự giác quản lý thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên: nước sạch, năng lượng.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.
- Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về bảo vệ môi trường, mức tiêu thụ nước cũng như năng lượng điện ở mức vừa phải và các loại phát thải chỉ loại thông thường và ở mức không đáng kể.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

VNTT luôn trân trọng sự ủng hộ và tin tưởng của cộng đồng. Chúng tôi xem đây là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty. Do đó, VNTT luôn đồng hành cùng các chương trình cộng đồng, chung tay hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho họ vươn lên trong cuộc sống. Chúng tôi chia sẻ thành quả vật chất, tinh thần với cộng đồng địa phương và thực hiện các hoạt động thiện nguyện như quyên góp từ thiện, ủng hộ người nghèo và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

VNTT đặt nhân viên là trọng tâm trong chiến lược phát triển. Chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, tạo điều kiện để người lao động phát huy tối đa năng lực và cống hiến cho công ty:

- Cán bộ công nhân viên được nghỉ phép, lễ, Tết theo quy định của Nhà nước.
- VNTT tạo môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch, đẹp, đảm bảo việc làm ổn định, người lao động được quan tâm cả đời sống vật chất lẫn tinh thần.
- Xây dựng các chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực của từng cán bộ công nhân viên, nhằm duy trì được tinh thần làm việc hăng say cũng như giữ chân được những cá nhân có trình độ chuyên môn tốt, sẵn sàng gắn bó lâu dài với Công ty.
- Hằng năm, Công ty tổ chức thăm và tặng quà cho những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn vào dịp Tết Nguyên đán và cho các em nhỏ vào dịp Tết Trung thu.
- Công ty chăm lo đầy đủ các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, an toàn sức khỏe cũng như trả lương định kỳ, đúng hạn và chưa để xảy ra bất cứ tai nạn lao động nào.



06



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,

Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị đã được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các nghị quyết được thảo luận và thông qua tại các cuộc họp HĐQT thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT	5/11	45,46%	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 18/04/2023
2	Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT	6/11	54,54%	Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	11/11	100,00%	
4	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	10/11	90,91%	
5	Ông Quảng Viết Cương	Thành viên HĐQT	11/11	100,00%	
6	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT	11/11	100,00%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám Đốc

Hội đồng quản trị thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc Công ty thông qua Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT và Ban kiểm soát, Quy chế phân quyền cho Tổng giám đốc. Thông qua phần mềm văn phòng điện tử eOffice, Hội đồng quản trị theo dõi sát tình hình hoạt động của Công ty, giám sát và có chỉ đạo định hướng, hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT cũng như những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đúng với Quy định của Công ty và pháp luật.

Năm 2023, Hội đồng quản trị tổ chức 11 cuộc họp HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như các báo cáo và đề xuất của Ban Giám đốc tại cuộc họp HĐQT.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	10/01/2023	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022. - Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023. - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023. - Kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023. - Thông qua Quy chế hoạt động Người đại diện vốn của Công ty.
2	02/2023/NQ-HĐQT	20/02/2023	- Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
3	03/2023/NQ-HĐQT	27/03/2022	- Thông qua nội dung và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Tiếp nhận Đơn từ nhiệm của ông Giang Quốc Dũng – Chủ tịch HĐQT và Đơn từ nhiệm của ông Lê Đức Thịnh – Thành viên Ban Kiểm soát.
4	04/2023/NQ-HĐQT	10/04/2023	- Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của ông Giang Quốc Dũng kể từ ngày 12/4/2023. - Bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Bầu ông Quảng Văn Viết Cương – Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
5	05/2023/NQ-HĐQT	11/04/2023	- Chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung dài hạn, bảo lãnh, mở L/C và các hình thức cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và đầu tư vào các dự án của Công ty.
6	06/2023/NQ-HĐQT	18/04/2023	- Bầu ông Dương Ngọc Hoàng Vũ làm Chủ tịch HĐQT.
7	07/2023/NQ-HĐQT	13/06/2023	- Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông bằng tiền.
8	08/2023/NQ-HĐQT	05/07/2023	- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2023.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
9	09/2023/NQ-HĐQT	07/07/2023	- Ban hành Quy chế quản lý tài chính mới. - Ban hành Quy chế Quản lý và Sử dụng Phần mềm Becawork. - Thông qua chủ trương Thành lập Phòng Nghiên cứu và phát triển, hợp nhất, sáp nhập các phòng, trung tâm chuyên môn theo sơ đồ tổ chức của Công ty, phương án sắp xếp nhân sự theo Tờ trình của Tổng Giám đốc.
10	10/2023/NQ-HĐQT	21/07/2023	- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch 6 tháng cuối năm; - Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động Công ty TNHH Giải pháp VNTT; - Thông qua việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng BCC.
11	11/2023/NQ-HĐQT	05/10/2023	- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh quý 4/2023 của Công ty.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tập trung thực hiện các hoạt động sau:

- Ban kiểm soát Công ty thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính – kế toán, đảm bảo tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và đóng góp ý kiến, kiến nghị trong việc giám sát hoạt động tổ chức và điều hành kinh doanh của Công ty trong các cuộc họp.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên BKS	1/2	50%	Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên BKS	1/2	50%	Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để:

- Thống nhất thông qua dự thảo Báo cáo Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên năm 2023, các đánh giá của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023;
- Đánh giá: Các thành viên Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty VNTT theo đúng điều lệ và quy định hiện hành.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông

Ban Kiểm soát Công ty thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính – kế toán, đảm bảo tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và đóng góp ý kiến, kiến nghị trong việc giám sát hoạt động tổ chức và điều hành kinh doanh của Công ty trong các cuộc họp.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc hỗ trợ cung cấp tài liệu/thông tin kịp thời cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ.

Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán, tại Mục VIII.2a của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Không có



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch/ (ĐVT: VNĐ)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	04-01-2023	11/01/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp máy tính bàn cho phòng điều hành Tổng công ty	538.615.000
2	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	10-01-2023	39/01/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp màn hình ghép cho hệ thống IOC	3.358.168.000
3	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	30-01-2023	71/01/2023/HĐVT/HĐ	Xử lý sự cố đầu cáp ngầm trung thế trạm	121.385.000
4	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	30-01-2023	72/01/2023/HĐVT/HĐ	Di dời lưới điện trung thế	816.433.750
5	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	30-01-2023	73/01/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị kiểm soát	511.458.600
6	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	01-01-2023	75A/01/2023/HĐVT/HĐ 36007/HDDV-VNTT	Cung cấp dịch vụ	2.750.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch/ (ĐVT: VNĐ)
7	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	08-02-2023	32/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp Hosting	3.286.800
8	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	09-02-2023	34/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị phát sinh cho việc cung cấp DVC Internet	6.600.000
9	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	09-02-2023	36/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị mạng và âm thanh cho hệ thống IOC	135.259.740
10	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	09-01-2023	106/01/2023/HĐVT/HĐ 36394/HĐDV-VNTT	Thuê server phục vụ đề án khu đô thị Cn Thông minh	57.024.000
11	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	14-02-2023	56/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị kiểm soát xe ra vào bãi xe	816.568.400
12	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	21-02-2023	83/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp server cho Becamex IOT Platform và Becamex	536.614.100

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch/ (ĐVT: VNĐ)
13	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	03-04-2023	03/04/2023/HĐVT/HĐ	Di dời trụ điện trung thế	114.976.400
14	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	03-04-2023	07/04/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị chuyển mạch	497.691.700
15	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	05-04-2023	12/04/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống mạng	2.070.781.900
16	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	07-04-2023	21/04/2023/HĐVT/HĐ	Bảo trì hệ thống điện nhẹ và hệ thống camera thang máy	111.320.000
17	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	22-05-2023	34/05/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp dịch vụ nhân công	353.364.000
18	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	13-10-2023	26/10/2023/HĐVT/HĐ	Bảo trì, vệ sinh, thí nghiệm các trạm biến áp thuộc KCN và KDC MP1,2,3	1.301.630.040

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch/ (ĐVT: VNĐ)
19	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	19-09-2023	05A/09/2023/HĐVT/HĐ	Thay thế hệ thống switch chuyển mạch distribution và access tại các tủ kỹ thuật	1.806.590.000
20	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	18-08-2023	28/08/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp nhân công lắp đặt, cấu hình thiết bị mạng, máy tính, âm thanh và màn hình ghép cho hệ thống IOC	302.400.000
21	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	18-08-2023	29/08/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp nhân công triển khai hệ thống máy chủ IoT và AI	162.000.000
22	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	24-08-2023	40/08/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai phần mềm quản lý tài liệu	300.000.000
23	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	25-10-2023	42/10/2023/HĐVT/HĐ	Thay thế, sửa chữa thiết bị, hệ thống cáp quang	130.767.400
24	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	11-03-2023	07/11/2023/HĐVT/HĐ	Di dời phòng server hiện hữu tại tầng 2 Block 4 sang vị trí mới	1.647.040.120

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch/ (ĐVT: VNĐ)
25	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	27-11-2023	45/11/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp DV vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lạnh phòng server tầng 7	84.974.400
26	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ	3700145020 Ngày cấp: 03/6/2010 Nơi cấp: Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	29-11-2023	49/11/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị đầu nối phát sinh	62.055.800

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TUÂN THỦ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VNTT luôn đề cao công tác Quản trị Công ty và thực hiện nghiêm túc theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ và các tiêu chí quốc tế. Nhờ đó, mọi hoạt động của Công ty luôn diễn ra minh bạch, hiệu quả và tuân thủ chuẩn mực đạo đức.

Năm 2023, VNTT đặt mục tiêu phát triển năng lực quản trị và giá trị nội tại, hoàn thiện và nâng cao hoạt động của các bộ phận nội bộ. Chúng tôi cam kết đảm bảo lợi ích chung của cổ đông và tạo điều kiện để họ thực hiện đầy đủ các quyền lợi của mình.

Để nâng cao năng lực quản trị, VNTT khuyến khích các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và trưởng bộ phận tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu. Qua đó, họ sẽ cập nhật kiến thức mới nhất, nâng cao kinh nghiệm và năng lực quản trị, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.



07



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

Báo cáo tài chính kiểm toán
Thuyết minh báo cáo tài chính



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	14 - 42
8. Phụ lục	43 - 46

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 635 201
- Fax : (84 - 274) 3 635 200

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống;
- Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bên thủy nội địa);
- Mua bán các sản phẩm phần mềm;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, gia công, xuất khẩu phần mềm;
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Dịch vụ viễn thông;
- Hoạt động viễn thông không dây;

- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công nghệ tin;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thông tấn;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2009
Ông Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Tuấn Anh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2024

5149
CÔNG TY
CÔNG NGHỆ
& TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM
T. B. V.

815
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
PHỐ C



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 1.0585/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Phước Tiên
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1
Người được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Yên
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

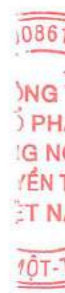
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.959.691.711	347.425.730.117
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	53.079.343.877	81.342.264.317
1. Tiền	111		18.079.343.877	20.842.264.317
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	60.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.000.000.000	10.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	80.000.000.000	10.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.878.613.700	129.151.604.462
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	136.366.451.700	111.243.159.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.510.444.822	5.807.599.133
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.284.984.624	16.001.464.870
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.283.267.446)	(3.900.619.219)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	83.624.398.258	123.835.493.958
1. Hàng tồn kho	141		83.624.398.258	123.835.493.958
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.377.335.876	2.596.367.380
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.846.097.306	2.079.190.441
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	531.238.570	517.176.939
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.894.702.207	180.995.648.024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		144.752.979	184.684.754
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	144.752.979	184.684.754
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		125.329.364.653	131.254.047.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	114.407.107.446	119.786.441.120
- Nguyên giá	222		337.124.132.098	319.607.431.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.717.024.652)	(199.820.990.773)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.922.257.207	11.467.605.916
- Nguyên giá	228		22.734.290.256	21.477.719.519
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.812.033.049)	(10.010.113.603)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.137.274.580	39.148.146.057
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	21.137.274.580	39.148.146.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.283.309.995	10.408.770.177
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	10.283.309.995	10.408.770.177
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		528.854.393.918	528.421.378.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

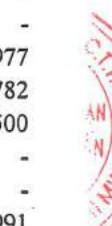
Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.002.139.926	87.904.871.323
I. Nợ ngắn hạn	310		74.321.523.051	72.956.539.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	16.701.895.256	17.231.042.677
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.393.551.499	4.828.145.109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10.369.433.840	6.604.684.759
4. Phải trả người lao động	314	V.16	8.884.142.495	8.601.367.712
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.678.265.128	6.558.143.814
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	9.847.451.207	11.386.213.460
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	11.989.365.125	10.696.069.897
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	-	3.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	2.189.455.267	2.243.920.197
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.267.963.234	1.806.951.813
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.680.616.875	14.948.331.885
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	1.202.184.800	639.160.977
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	6.655.857.021	6.140.769.782
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	-	6.676.271.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	2.376.241.973	1.101.214.991
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	446.333.081	390.914.635
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kê toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		443.852.253.992	440.516.506.818
I. Vốn chủ sở hữu	410		443.852.253.992	440.516.506.818
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	(382.600.000)	(382.600.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	42.900.159.222	39.544.795.990
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.24	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	33.620.409.710	33.640.025.768
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		491.121.950	33.640.025.768
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.129.287.760	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		528.854.393.918	528.421.378.141

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	363.381.559.388	387.948.150.051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	363.381.559.388	387.948.150.051
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	283.834.468.304	305.774.192.623
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.547.091.084	82.173.957.428
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.471.892.706	1.824.555.756
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	264.434.136	2.078.533.920
Trong đó: chi phí lãi vay	23		238.983.754	2.068.478.726
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.180.931.990	15.116.341.628
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.692.590.283	26.049.651.991
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.881.027.381	40.753.985.645
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.585.808.376	2.578.690.531
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.194.765.180	9.494.150
14. Lợi nhuận khác	40		2.391.043.196	2.569.196.381
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.272.070.577	43.323.182.026
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	8.867.755.834	8.258.314.542
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	1.275.026.983	1.511.235.163
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.129.287.760	33.553.632.321
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		33.129.287.760	33.553.632.321
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	774	854
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	774	854

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.272.070.577	43.323.182.026
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	35.805.170.052	38.337.774.574
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.21	383.601.743	603.611.754
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	8.568.490	(17.015.951)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(5.549.797.898)	(1.757.715.741)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	238.983.754	2.068.478.726
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.158.596.718	82.558.315.388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.674.521.775)	(22.284.687.861)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.211.095.700	48.644.467.834
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.430.042.378	(19.691.912.650)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		230.365.237	21.497.765
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(251.576.163)	(2.511.105.183)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(7.158.231.312)	(7.755.792.302)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19, V.22, V.24	(3.423.279.165)	(2.673.933.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		83.522.491.618	76.306.849.451
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, VII	(15.502.141.505)	(48.243.073.572)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	3.239.094.577	86.574.074
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(131.000.000.000)	(21.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	61.500.000.000	10.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	4.833.313.010	1.099.037.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.929.733.918)	(57.557.461.524)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	122.042.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	-	28.755.687.215
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(9.676.271.500)	(96.380.683.094)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19; V.24	(25.170.838.150)	(22.244.659.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.847.109.650)	32.172.745.121
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.254.351.950)	50.922.133.048
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	81.342.264.317	30.403.115.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.568.490)	17.015.951
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	53.079.343.877	81.342.264.317

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 293 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 307 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất; vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.006.640.793	649.748.644
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.072.703.084	20.192.515.673
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	35.000.000.000	60.500.000.000
Cộng	53.079.343.877	81.342.264.317

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	116.199.398.175	89.441.092.044
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	28.320.682.963	31.587.644.319
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	12.412.304.805	11.172.760.650
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	16.977.365.868	8.299.201.780
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	12.714.137.169	9.402.385.689
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	20.982.584.810	20.698.422.819
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	16.796.476.785	2.957.445.659
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	1.570.476.043	1.559.445.543
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	337.064.521	582.838.283
Công ty TNHH Becamex Tokyu	1.458.791.982	45.112.178
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	560.833.640	733.455.832
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	3.755.400	4.745.400
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	70.899.495	452.976.897
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	1.650.000	1.650.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	1.650.000	1.337.115.328
Công ty Cổ phần Dược Enlie	-	1.650.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	3.490.724.694	6.666.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – VSIP	424.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	76.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác	20.167.053.525	22.399.642.634
Cộng	136.366.451.700	111.243.159.678

4. Trả trước cho người bán khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	-	2.596.723.593
Công ty Điện lực Bình Dương	1.107.357.290	287.749.174
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	-	899.901.038
Công ty TNHH MTV Xây dựng La Giang	-	527.272.416

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật Xây dựng Đông Tây	592.734.000	-
Công ty TNHH Hạ tầng Truyền Thông Số	430.264.676	-
Công ty Cổ phần Phần mềm Viễn thông Miền Nam	411.840.000	-
Các nhà cung cấp khác	968.248.856	1.495.952.912
Cộng	3.510.444.822	5.807.599.133

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	453.878.200	-	453.878.200	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	453.878.200	-	453.878.200	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	16.831.106.424	(2.309.450.910)	15.547.586.670	(2.309.450.910)
Tạm ứng	14.207.357.373	(2.309.450.910)	13.952.737.442	(2.309.450.910)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	211.371.528	-	189.723.635	-
Lãi dự thu	1.191.761.645	-	604.663.247	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.220.615.878	-	800.462.346	-
Cộng	17.284.984.624	(2.309.450.910)	16.001.464.870	(2.309.450.910)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	70.480.328	-	89.105.328	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	9.480.328	-	27.105.328	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ dài hạn	-	-	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	51.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74.272.651	-	95.579.426	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	74.272.651	-	95.579.426	-
Cộng	144.752.979	-	184.684.754	-

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
Từ 03 đến 06 tháng	6.497.707	4.548.395	978.000	684.600
Từ 06 đến 09 tháng	96.507.704	48.253.852	20.502.696	10.251.348
Từ 09 đến 12 tháng	145.682.789	43.704.837	43.327.364	12.998.209
Trên 12 tháng	684.878.158	-	710.918.335	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	249.226.800	174.158.760	27.853.675	19.497.573
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	512.164.723	256.082.362	19.079.439	9.539.720
<i>Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm</i>	18.772.747	5.631.824	60.853.058	18.255.917
<i>Trên 03 năm</i>	520.530.012	-	505.283.182	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	2.763.329.110	453.878.200	2.309.450.910	-
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	-	-	273.599.927	-
<i>Trên 03 năm</i>	272.235.926	-	-	-
Cộng	5.269.825.676	986.258.230	3.971.846.586	71.227.367

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.900.619.219	4.196.002.415
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	382.648.227	(295.383.196)
Số cuối năm	4.283.267.446	3.900.619.219

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.404.997.366	-	25.688.230.462	-
Công cụ, dụng cụ	342.802.822	-	347.317.118	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.169.180.871	-	54.157.803.919	-
Hàng hóa bất động sản	33.338.371.477	-	43.625.176.589	-
Hàng hóa	369.045.722	-	16.965.870	-
Cộng	83.624.398.258	-	123.835.493.958	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	428.730.371	687.490.023
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.417.366.935	1.391.700.418
Cộng	1.846.097.306	2.079.190.441

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	981.214.454	1.806.567.743
Chi phí thuê đất	6.632.109.086	6.832.142.702
Vật tư, thiết bị khảo sát	16.460.219	42.312.180
Chi phí xây dựng, sửa chữa	77.851.646	371.593.200
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.575.674.590	1.356.154.352
Cộng	10.283.309.995	10.408.770.177

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.036.741.509	225.183.201.992	73.792.401.034	1.577.218.554	1.017.868.804	319.607.431.893
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	86.446.868	16.376.410.646	14.722.820.764	-	419.758.662	31.605.436.940
Tăng khác	79.688.080	-	48.500.000	-	-	128.188.080
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.590.000.000)	(2.121.559.083)	-	-	(3.711.559.083)
Giảm do hư hỏng	-	(10.505.365.732)	-	-	-	(10.505.365.732)
Số cuối năm	18.202.876.457	229.464.246.906	86.442.162.715	1.577.218.554	1.437.627.466	337.124.132.098
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.502.299.208	53.922.307.701	15.723.497.256	708.443.617	701.627.000	72.558.174.782
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.698.573.911	149.330.353.640	40.806.389.725	1.214.475.970	771.197.527	199.820.990.773
Khấu hao trong năm	1.060.358.875	23.255.921.275	9.380.431.508	158.018.940	148.520.009	34.003.250.607
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.459.394.516)	(1.713.151.683)	-	-	(3.172.546.199)
Giảm do hư hỏng	-	(7.934.670.529)	-	-	-	(7.934.670.529)
Số cuối năm	8.758.932.786	163.192.209.870	48.473.669.550	1.372.494.910	919.717.536	222.717.024.652
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.338.167.598	75.852.848.352	32.986.011.309	362.742.584	246.671.277	119.786.441.120
Số cuối năm	9.443.943.671	66.272.037.036	37.968.493.165	204.273.644	517.909.930	114.407.107.446
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.889.485.692	17.588.233.827	21.477.719.519
Mua trong năm	-	593.275.115	593.275.115
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	663.295.622	663.295.622
Số cuối năm	3.889.485.692	18.844.804.564	22.734.290.256
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.188.487.917	8.188.487.917
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10.010.113.603	10.010.113.603
Khấu hao trong năm	-	1.801.919.445	1.801.919.445
Số cuối năm	-	11.812.033.049	11.812.033.049
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.889.485.692	7.578.120.224	11.467.605.916
Số cuối năm	3.889.485.692	7.032.771.515	10.922.257.207
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.138.800.000	2.440.603.636	(2.440.603.636)	-	3.138.800.000
Xây dựng cơ bản dở dang	36.009.346.057	14.446.069.540	(29.828.128.926)	(2.628.812.091)	17.998.474.580
- <i>Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3</i>	34.610.317	1.500.169.017	(34.610.317)	-	1.500.169.017
- <i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông cho các Khu dân cư K,J,L,I,H,G Mỹ Phước 3</i>	2.620.180.439	318.381.254	(2.351.066.309)	(141.937.619)	445.557.765
- <i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4</i>	2.544.110.201	1.049.753.476	-	-	3.593.863.677
- <i>Hạng mục thi công hệ thống viễn thông KCN VSIP 2 Mở rộng</i>	36.152.929	257.187.778	(80.823.898)	(779.614)	211.737.195
- <i>Hạng mục xây dựng phòng giao dịch Nghệ An</i>	669.355.949	240.012.454	(662.824.383)	(66.148.760)	180.395.260
- <i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng viễn thông khu công nghiệp kết nối các khu dân cư</i>	-	-	-	-	-
- <i>Hạng mục đầu tư hệ thống nguồn UPS, hệ thống đường ống lạnh, ngăn phòng VIP khu vực DC</i>	-	-	-	-	-
- <i>Hạng mục cải tạo hệ thống điện DC VNNT</i>	16.121.295.746	106.200.000	(15.294.864.746)	(932.631.000)	-
- <i>Hạng mục cải tạo và bổ sung hạ tầng viễn thông Mỹ Phước 1</i>	147.760.224	199.025.836	-	-	346.786.060
- <i>Hạng mục thi công Hạ tầng Viễn thông khu Dân cư Bàu Bàng</i>	982.927.592	2.778.865.668	(1.456.759.592)	(22.968.000)	2.282.065.668
- <i>Hạng mục đầu tư thiết bị Data Center VNNT</i>	-	1.250.258.782	-	(4.497.877)	1.245.760.905
- <i>Các công trình khác</i>	12.852.952.660	6.746.215.275	(9.947.179.681)	(1.459.849.221)	8.192.139.033
Cộng	39.148.146.057	16.886.673.176	(32.268.732.562)	(2.628.812.091)	21.137.274.580

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi/lỗ các giao dịch nội bộ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	410.020.172
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	335.064.472	(94.328.232)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(335.064.472)	(315.691.940)
Số cuối năm	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế của Công ty TNHH Giải pháp VNNT. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

Năm 2021	810.826.006
Năm 2022	5.179.306.263
Năm 2023	6.471.997.572
Cộng	12.462.129.841

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

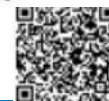
13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	858.828.440	1.002.557.670
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	426.187.848	393.379.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	194.350.006
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	217.020.005	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	26.872.953	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	107.729.669	243.001.388
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	24.026.372	25.613.177
Công ty TNHH Becamex Tokyu	19.762.203	12.403.561
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	-	8.174.350
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	4.110.227	9.035.688
Công ty TNHH MTV Aspire	33.108.768	116.600.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.843.077.211	16.228.485.007
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông Công ty Cổ phần Truyền thông Số 1	1.474.000	2.618.100.766
Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu Điện	1.103.080.000	2.272.772.480
Các nhà cung cấp khác	4.092.702.278	-
Cộng	10.645.820.933	11.337.611.761
Cộng	16.701.895.256	17.231.042.677

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	242.625.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	72.625.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	170.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	3.393.551.499	4.585.520.109
Văn phòng Điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương	1.840.167.158	2.264.439.676
Trường Tiểu học - THCS & THPT Ngô Thời Nhiệm	70.000.000	-
Các khách hàng khác	1.483.384.341	2.321.080.433
Cộng	3.393.551.499	4.828.145.109

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.517.454.775	517.176.939	16.461.968.545	(14.460.413.994)	5.533.070.957	531.238.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.787.692.682	-	8.867.755.834	(7.158.231.312)	4.567.836.412	-
Thuế thu nhập cá nhân	299.537.302	-	2.790.989.906	(2.751.381.529)	339.145.679	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.604.684.759	517.176.939	28.131.714.285	(24.381.026.835)	10.369.433.840	531.238.570

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác 10%
- Từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 08% hoặc 10%
- Từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 thuế giá trị gia tăng áp dụng theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ có một số loại hàng hóa, dịch vụ áp dụng thuế suất 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Giải pháp VNNTT phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tại các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	8.867.755.834	8.258.314.542
Công ty TNHH Giải pháp VNNTT	-	-
Cộng	8.867.755.834	8.258.314.542

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	3.364.120.730	1.346.681.723
Chi phí lãi vay	-	12.592.409
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	4.843.414.738	4.367.476.682
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	470.729.660	831.393.000
Cộng	8.678.265.128	6.558.143.814

18. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	700.000.000	500.000.000
Thường ban điều hành	700.000.000	500.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.289.365.125	10.196.069.897
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	650.603.537	371.108.500
Cổ tức phải trả	8.299.535.150	7.761.123.300
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	1.903.684.699	1.710.688.642
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	435.541.739	353.149.455
Cộng	11.989.365.125	10.696.069.897

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.19b).

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.000.000.000	67.624.995.879
Số tiền vay phát sinh	-	28.755.687.215
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	3.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(3.000.000.000)	(96.380.683.094)
Số cuối năm	-	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20b. Vay dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương nhằm thực hiện dự án "Trang bị các thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ Viễn thông Công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2025", thời hạn vay 84 tháng theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	-	3.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	6.676.271.500
Cộng	-	9.676.271.500

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.676.271.500	9.676.271.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(3.000.000.000)
Số tiền vay đã trả	(6.676.271.500)	-
Số cuối năm	-	6.676.271.500

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả**21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.243.920.197	1.498.615.598
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) bảo hành công trình	(22.279.235)	552.656.949
Số sử dụng	(129.062.549)	-
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	96.876.854	192.647.650
Số cuối năm	2.189.455.267	2.243.920.197

21b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	390.914.635	237.224.284
Tăng do trích lập	152.295.300	346.338.001
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(96.876.854)	(192.647.650)
Số cuối năm	446.333.081	390.914.635

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.806.951.813	1.482.803.623
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.684.290.586	1.798.041.730
Chi quỹ	(2.223.279.165)	(1.473.893.540)
Số cuối năm	2.267.963.234	1.806.951.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.101.214.991	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.610.091.455	1.416.906.931
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(335.064.472)	(315.691.940)
Số cuối năm	2.376.241.973	1.101.214.991

24. Vốn chủ sở hữu**24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	178.446.000.000
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	168.829.000.000
Cộng	367.275.000.000	367.275.000.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	36.727.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 01/2023/NQ-DHDCD ngày 18 tháng 4 năm 2023 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 25.709.250.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 3.355.363.232
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.684.290.586
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 700.000.000
• Thương ban điều hành	: 700.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	55.440.000	174.900.000
Trên 01 năm đến 05 năm	55.440.000	-
Cộng	110.880.000	174.900.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 4.620.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn thuê đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 172.523,77 USD và 84,2 EUR (số đầu năm là 24.857,60 USD và 11.483,04 EUR).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	25.220.183.353	25.454.001.643
Doanh thu cung cấp dịch vụ	228.674.633.118	208.104.728.685
Doanh thu hợp đồng xây dựng	92.433.485.316	137.375.410.757
Doanh thu bất động sản	17.053.257.601	17.014.008.966
Cộng	363.381.559.388	387.948.150.051

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	14.872.482.800	12.565.292.709
Cung cấp dịch vụ	5.434.301.733	5.889.069.445
Xây dựng công trình	18.331.741.437	42.466.170.561
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Bán thiết bị	101.780.000	2.177.490.000
Cung cấp dịch vụ	68.800.000	53.250.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	624.209.800	155.000.000
Xây dựng công trình	2.920.862.600	84.859.803
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Bán thiết bị	863.636	2.400.000
Cung cấp dịch vụ	22.214.000	21.424.557
Xây dựng công trình	-	310.569.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Bán thiết bị	82.781.364	-
Cung cấp dịch vụ	543.083.439	570.741.300
Xây dựng công trình	18.941.124.091	550.282.064
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	316.375.000	106.410.000
Xây dựng công trình	128.500.000	82.751.126
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Bán hàng hóa	704.023.000	-
Cung cấp dịch vụ	531.488.678	1.242.064.000
Xây dựng công trình	177.161.000	466.789.793
Công ty Cổ phần Dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán hàng hoá	38.963.636	-
Cung cấp dịch vụ	82.987.455	5.740.000
Xây dựng công trình	1.315.000.000	401.916.154
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	75.000.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán hàng hoá	524.722.636	966.575.000
Cung cấp dịch vụ	237.600.000	162.965.020
Xây dựng công trình	313.398.000	620.145.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cung cấp dịch vụ	119.028.000	438.423.389
Xây dựng công trình	59.710.000	43.500.000
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Xây dựng công trình	19.333.397.120	12.215.021.700
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Bán hàng hoá	265.837.000	47.150.000
Cung cấp dịch vụ	150.000.000	129.410.894
Xây dựng công trình	8.680.715.636	6.519.526.296
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Bán hàng hoá	200.605.067	106.150.000
Cung cấp dịch vụ	292.105.614	756.864.301
Xây dựng công trình	18.449.927.632	3.354.041.962
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	2.400.000	7.190.000
Bán thiết bị	252.389.999	208.856.667



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.048.844.751	24.879.278.430
Giá vốn cung cấp dịch vụ	155.635.677.692	146.807.661.996
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	91.863.140.749	123.972.219.661
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	10.286.805.112	10.115.032.536
Cộng	283.834.468.304	305.774.192.623

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.420.411.408	1.690.274.088
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.165.600	76.691.948
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	32.113.547	40.573.769
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	202.151	17.015.951
Cộng	5.471.892.706	1.824.555.756

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	238.983.754	2.068.478.726
Chiết khấu thanh toán cho người mua	14.400.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.216.447	7.766.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.770.641	-
Chi phí tài chính khác	63.294	2.289.130
Cộng	264.434.136	2.078.533.920

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.191.102.593	11.702.082.569
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	54.291.201	40.464.866
Chi phí khấu hao	234.806.001	27.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.129.761	144.841.773
Chi phí khác	2.563.602.434	3.201.952.420
Cộng	16.180.931.990	15.116.341.628

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.029.497.753	13.591.659.241
Chi phí vật liệu quản lý	629.579.284	652.045.357
Chi phí đồ dùng văn phòng	480.929.005	417.671.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.154.161.467	1.497.374.095
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	309.008.787	(295.383.196)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.306.571.547	6.139.123.407
Chi phí khác	3.782.842.440	4.047.161.646
Cộng	27.692.590.283	26.049.651.991

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	928.324.210	67.441.653
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.152.665.450	1.498.615.598
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	137.523.840	-
Thu nhập khác	367.294.869	1.012.633.280
Cộng	3.585.808.376	2.578.690.531

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thiệt hại tài sản do thiên tai	798.937.720	-
Phạt chậm nộp ngân sách nhà nước	1.367.680	-
Chi phí khác	394.459.780	9.494.150
Cộng	1.194.765.180	9.494.150

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(335.064.472)	94.328.232
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.610.091.455	1.416.906.931
Cộng	1.275.026.983	1.511.235.163

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	33.129.287.760	33.553.632.321
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.312.928.776)	(2.684.290.586)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.416.358.984	29.469.341.735
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	36.727.500	34.513.788
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	774	854

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.512.128.341	91.900.641.045
Chi phí nhân công	67.548.462.638	66.580.477.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.207.196.363	38.191.216.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.640.013.347	81.130.866.432
Chi phí khác	30.698.091.825	22.497.924.859
Cộng	282.605.892.514	300.301.126.607



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả mua sắm tài sản cố định	473.173.057	945.531.242
Ứng trước mua sắm tài sản cố định	178.647.120	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	19.809.365.625	10.819.403.860
Trên 01 năm đến 05 năm	29.237.569.375	14.664.375.000
Cộng	49.046.935.000	25.483.778.860

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a và V.19a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát:

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	70.000.000	70.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	550.000.000	266.000.000	118.000.000	934.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	109.000.000	109.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	109.000.000	109.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội	-	-	-	109.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
đồng quản trị			109.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	109.000.000	109.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	68.000.000	68.000.000
Ông Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	35.000.000	35.000.000
Ông Lê Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc	390.600.000	212.923.305	-	603.523.305
Ông Lai Xuân Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	390.600.000	218.538.500	-	609.138.500
Ông Nguyễn Văn Phúc - Kế toán trưởng	471.200.000	260.364.520	-	731.564.520
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	-	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	-	33.000.000	33.000.000
Cộng	1.802.400.000	957.826.325	832.000.000	3.592.226.325

Năm trước

Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	80.000.000	86.398.370	115.000.000	281.398.370
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	105.000.000	105.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Các thành viên khác	1.302.602.174	725.280.850	160.000.000	2.187.883.024
Cộng	1.382.602.174	811.679.220	700.000.000	2.894.281.394

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Aspire	Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP		
Chia cổ tức	12.491.220.000	10.706.760.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	86.119.760	28.174.413
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Phí dịch vụ	-	234.890.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	2.629.630	214.536.876
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Doanh thu phân chia dịch vụ	289.831.523	299.255.742
Chi phí thuê nhà	60.000.000	12.741.936
Cổ tức được chia	1.190.000.000	1.020.000.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	166.503.946	145.120.731
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Phí dịch vụ	557.962.269	48.997.836
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	40.129.601	14.708.933
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua hàng hóa, dịch vụ	321.764.466	428.374.842
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Phí dịch vụ	49.972.066	41.401.407
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Phí dịch vụ	1.257.009.842	2.578.373.973

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Nhận chuyển nhượng bất động sản	-	(1.818.181.818)
Trả lại bất động sản	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Ký quỹ dài hạn	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Ký quỹ dài hạn	-	51.000.000
Phí dịch vụ	62.897.812	-
Công ty TNHH MTV Aspire		
Phí dịch vụ	472.878.912	699.600.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước		
Mua vật tư	203.712.631	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Chi phí công tác	317.793.022	-
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước		
Cung cấp phần mềm	52.857.143	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Vi Ngọc Đại
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Phúc
 Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.850.000.000	-	38.260.480.469	439.285.060	27.135.022.898	310.684.788.427
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	122.425.000.000	-	-	-	-	122.425.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	(382.600.000)	-	-	33.553.632.321	33.171.032.321
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.284.315.521	-	(3.082.357.251)	(1.798.041.730)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(22.966.272.200)	(22.966.272.200)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	367.275.000.000	(382.600.000)	39.544.795.990	439.285.060	33.640.025.768	440.516.506.818
Số dư đầu năm nay	367.275.000.000	(382.600.000)	39.544.795.990	439.285.060	33.640.025.768	440.516.506.818
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.129.287.760	33.129.287.760
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	3.355.363.232	-	(6.039.653.818)	(2.684.290.586)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(25.709.250.000)	(25.709.250.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Số dư cuối năm nay	367.275.000.000	(382.600.000)	42.900.159.222	439.285.060	33.620.409.710	443.852.253.992

Đơn vị tính: VND

Vi Ngọc Đại
 Người lập

Nguyễn Văn Phúc
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024



Phạm Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ			Lĩnh vực xây dựng công trình			Lĩnh vực kinh doanh bất động sản			Các lĩnh vực khác			Cộng
	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	228.674.633.118	92.433.485.316	17.053.257.601	25.220.183.353	363.381.559.388								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	228.674.633.118	92.433.485.316	17.053.257.601	25.220.183.353	363.381.559.388								
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73.038.955.426	570.344.567	6.766.452.489	(828.661.398)	79.547.091.084								
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(43.873.522.273)								
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					35.673.568.811								
Doanh thu hoạt động tài chính					5.471.892.706								
Chi phí tài chính					(264.434.136)								
Thu nhập khác					3.585.808.376								
Chi phí khác					(1.194.765.180)								
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.867.755.834)								
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.275.026.983)								
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33.129.287.760								
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11.643.474.398	4.886.461.634	901.514.086	1.333.255.562	18.764.705.680								
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.410.850.784	10.797.008.235	1.991.963.866	2.945.929.459	42.145.752.344								
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	2.591.690.302	-	-	2.591.690.302								

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ			Lĩnh vực xây dựng công trình			Lĩnh vực kinh doanh bất động sản			Các lĩnh vực khác			Cộng
	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	25.454.001.643	387.948.150.051								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	25.454.001.643	387.948.150.051								
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	61.297.066.689	13.403.191.096	6.898.976.430	574.723.213	82.173.957.428								
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(41.165.993.619)								
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					41.007.963.809								
Doanh thu hoạt động tài chính					1.824.555.756								
Chi phí tài chính					(2.078.533.920)								
Thu nhập khác					2.578.690.531								
Chi phí khác					(9.494.150)								
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.258.314.542)								
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.511.235.163)								
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33.553.632.321								
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.959.999.823	15.877.943.672	1.966.490.760	2.941.990.870	44.746.425.125								
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.633.733.847	15.260.343.371	1.890.000.674	2.827.557.007	42.611.634.900								
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	898.994.950	-	-	898.994.950								



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ B

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình
Số cuối năm		
Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.716.436.060	23.979.328.481
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận		
Tổng tài sản		
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.236.289.318	2.635.788.348
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận		
Tổng nợ phải trả		
Số đầu năm		
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.827.885.029	53.140.952.215
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận		
Tổng tài sản		
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23.410.064.739	3.981.516.555
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận		
Tổng nợ phải trả		

Vi Ngọc Đại
Người lậpNguyễn Văn Phúc
Kê toán trưởng

ầu Một, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
33.707.417.199	-	118.403.181.740
-	-	-
		410.451.212.178
		528.854.393.918
-	-	18.872.077.666
-	-	-
		66.200.681.468
		85.072.759.134
43.642.142.459	-	187.610.979.703
-	-	-
		340.810.398.438
		528.421.378.141
-	-	27.391.581.294
-	-	-
		60.513.290.029
		87.904.871.323

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ &
TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Bình Dương, Ngày 15 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM TUẤN ANH





 21 VSIP II, Đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore
2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh
Bình Dương, Việt Nam

 cskh@vntt.com.vn

 (+84) 274.2220222

 www.vntt.com.vn

